

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

*PHÁP BẢO ĐÀN KINH
ĐÔNG ĐỘ THIÊN TÔNG
LỤC TỔ HUỆ NĂNG NÓI PHÁP
MÔN NHƠN PHÁP HẢI CHÉP RA
DỊCH VÀ DIỄN GIẢI
THEO LÝ ĐẠI THỪA VÔ VI ĐẠO
BÙI HÀ THANH*

Con trai lớn của Ông Hội Đồng Bùi Quang Huy
Chủ Đàn Chiêu Minh Cái Vồn
Môn đồ của Quan Phủ Ngô Minh Chiêu
Pháp danh Minh Chiêu người sáng lập và là
Giáo chủ CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO
Năm Mậu Thân (1968) Ngày Rằm tháng 4 Phật Đản
Thánh Tựa

--- o0o ---

HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ

Thầy mừng chung các trẻ
Thi

Huệ trí Pháp duyên giải Pháp đàn,
Năng nhơn Bảo vật thức phạm gian.
Cho hay Đàn Bảo nhiều người giải,
Tựa thế “Kinh thường” nhập thế gian.

Bài

Pháp Bảo Đàn Hà Thanh diễn giải,
“Tột lý rồi” khỏi phải nghi ngờ.
Hạ ngươn mặt thế mong chờ,
Đàn kinh xuất hiện mập mờ còn đầu.
N như đêm tối, canh thâu xuất hiện,
Vàng “Kim-Ô” đã quyện tối tâm
Phá đi tất cả lạc làm,
Đại thừa đúng nghĩa ngàn năm khó tương.
Nay nhằm buổi trần dương qui nạp,
Những linh căn duyên Pháp thuận chiều.
Chân chờ chi nữa, Trời chiều rồi con!

Thi

Khen thay Diễn nghĩa rõ ràng thay
Bùi họ Giải ra phước đức dày
Hà xứ Đàn thiên đà rõ lộ
Thanh thông Kinh luận bởi viên đầy.

Thầy đại hỷ trước việc làm lành thiện chu toàn. Các con hãy
chú tâm học hiểu, bấy nhiêu cùng đủ lắm rồi.

LỤC TỔ (I)

(I)- Nhơn một đàn cơ bất thường tại Se Đéc, nơi tư gia của
ông Hồ Văn Giỏi, Đại Sư HUỆ NĂNG giảng cho Thánh tựa
Pháp Bảo Đàn Kinh diễn giải.

---oOo---

Pháp Bảo Đàn Kinh diễn giải

PHẠM TỰA

“ĐẠO” rất vi diệu lại ẩn tàng nơi sâu kín ví như kim cương trong than đá, như minh châu nơi đáy bể, dễ gì mà tìm được, nếu thiếu sự hiểu biết uyên thâm, thiếu sự thực hành tinh vi của Kỹ sư khoa học huyền bí.

Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ HUỆ NẴNG ra đời trên 1300 năm do môn nhân là Pháp Hải Thiền Sư gom góp và chép ra các lời của Tổ hiệp thành một bản.

Trong chỗ Ngài nói Pháp nhưt nhưt điều có “Khí tượng xuất thế thoát trần” chỉ ngay việc KIẾN TÁNH thành PHẬT “Tâm Pháp” của Ngài thật là thâm thâm vi diệu cho nên xưa nay đã có nhiều người dịch và giải nghĩa ra nhưng chẳng ngoài “giáo lý thông thường” mà Học giả được nghe thấy không đi sâu vào “ĐẠO LÝ”, chưa mổ xẻ đàng hoàng từng đoạn, phân tích “Sự Lý” cho xác đáng, khiến cái Máy Linh mâu nhiệm ẩn tàng trong Kinh ngôn Phật thuyết đã bí mật vẫn còn bao trùm bí mật.

Đàn Kinh là Pháp Bửu vô giá, là hy hữu đại “Pháp Thuyền” là bức kiến trúc đồ bày vẽ rõ ràng đường lối “Trực Chỉ Tây Qui” đi ngay đến “cửa giải thoát”, nhưng lời lẽ rất u ẩn khó phăng cho ra mối, tầm cho ra góc, vì đây là thuộc cơ Bí truyền của “Vô Vi Tiên Thiên Đại Đạo”.

Diễn giải Đàn Kinh tôi không dám ước mong làm người hướng đạo cho quý bạn để thâm nhập và tham cứu Đại Thừa đốn giáo Vô Thượng Pháp Môn của Phật. Chính Đức Lục Tổ mới là ngón tay trở mặt trăng của Phật Tổ, cái la bàn định hướng đúng đắn cho quý bạn. Nhưng quý bạn tiến vào đây một mình, không kèm theo một thông dịch viên lỗi lạc và là một điều thậm chí không phải dễ gặp, quý bạn sẽ không thấy được cái “hứng vị” rồi các bạn bước ra cuộc sưu tầm với bao nỗi mệt nhọc và chán nản vì bạn chưa nắm được cam lộ thâm trầm của Đàn Kinh Pháp Bảo như người lạ với quả “sầu riêng”, bước đầu chạm phải “gai nhọn” và “mùi khó chịu”.

“Thân ta là quyển kinh của tất cả kinh”.

Mỗi người chúng ta được ban cho một hình hài có đủ các cơ quan tốt đẹp khả dĩ giúp ta thực hiện Đức THƯỢNG ĐẾ tự tạo PHẬT TỔ để đồng nhưt với bản nguyên, thoát ly vòng lẩn quẩn của sanh tử.

“Đàn Kinh” là “thân thị”, là cái kho.

Pháp Bửu là “của quý Tinh Thần” chứa trong cái kho tàng ấy. Đấng TẠO HÓA đã phú cho mỗi đứa con một kho tàng bảo vật, một “Bửu Lâm Tự” cũng như đã đặt vào lòng đất vô số khoáng chất, hoá chất quý báu dành cho nhân loại sống trên địa cầu và “một cái TRÍ” để giúp cho tìm “Lẽ Sống” (Đạo).

Đã là “bảo vật”, Tinh Thần hay vật chất, vô tướng hay hữu hình cũng đều được khéo léo cất kỹ vào chỗ kín của TÂM ĐỊA.

Là Kỹ Sư, gồm đủ một cái học rộng và cái chuyên môn sẽ khai thác, thanh lọc, có đủ nguyên liệu, chế tạo ra được máy móc hoạt động “như thần” giúp thoát ra khỏi sự kềm hãm của luật Càn Khôn,

Về hoạt động nơi thế giới vô hình huyền bí. Với sự định nghĩa trên, bạn đã nhận thức rõ.

“Sắc thân” ta gồm nhục thân và pháp thể, tất cả dụng cụ của ĐẠO là Pháp Bảo Đàn Kinh chơn thật, một kho tàng vô giá.

Chẳng hữu dụng được nó về mục đích thiêng liêng cao cả trong khoảng thời gian sinh tồn, đến khi tàn tạ hoặc biến nó thành một công cụ, một lợi khí cho “tham vọng nhờn dục” thì còn chi khờ dại, ngu xuẩn bằng, có thể sánh trẻ con đem hạt Kim cương đổi cục kẹo!

“*Pháp Bửu Đàn Kinh hữu tự*” của Lục Tổ bên Tàu cũng như “*Đàn Kinh diễn giải của Hà Thanh*” tại Việt Nam đâu có đúng đắn đến đâu, siêu việt thế mấy cũng là “*giả kinh*” là giấy vớ mực, là “kim chỉ Nam của Địa bàn”, ngón tay trở mặt trăng của Phật mà thôi, có gì đáng gọi là quý Bửu.

Mục đích cốt yếu của “Thượng Thừa Đốn Giáo Pháp” là dìu dắt con người đến chỗ toàn giác tức là đến nơi “giải thoát vô tận”, tới chỗ bình đẳng như như, đến cõi Phúc Lạc vĩnh cửu nhờ thực hành ĐẠO PHÁP đúng mức, ứng dụng theo Thái Cực đồ của nguyên lý đơn nhất tối sơ, cũng gọi là nguyên lý Thái Cực, Phật nói là “NHỨT PHÁP”.

Nhằm buổi Hạ Ngươn cuốn Đàn Kinh diễn giải được trình bày; Để vệt ngút mù ngàn năm bao phủ hầu cho nhờn loại được húng thụ “Thái Dương” sáng lạn, phá tan tất cả lạng lăm.

Để rung động Tâm Hồn kẻ thiện căn phúc tử cấp tảo hồi đầu, tầm phương siêu thoát.

Để đưa con người đến chỗ Hiểu Biết sâu rộng, huỷ diệt thành kiến, khuynh hướng biệt lập cố thủ, cố chấp của óc Tôn giáo, môn phái.

Để đến Đại Đồng Huynh Đệ và chấp nhận vạn vật đồng nguyên Nhứt Thể “chơn đạo pháp”, không dành riêng cho một dân tộc, một tín ngưỡng nào mà là chung cho tất cả, không phân biệt màu da, sắc tóc như mọi sinh vật đều được quyền thờ Không Khí vậy.

Rất mong các bạn sẽ chẳng nề khó nhọc, khảo cứu kỹ lưỡng, chiêm nghiệm rành mạch giáo Pháp của Lục Tổ, đạt pháp ý và gấp gấp hạ thủ công phu để “Đại Thiên Sư biểu hiện nơi lòng” và tiếp dẫn bạn như ngài đã thiết tha giục thúc nơi thánh tựa:

“Nay nhằm buổi trần dương quy nạp,
Những Linh căn duyên Pháp thuận chiều.
Gặp Kinh, gặp Pháp đang nêu,
Chân chờ chi nữa, Trời chiều rồi con!”

Nếu tự quý vị cần sự giúp đỡ ngoại lai, tôi sẵn sàng chỉ hộ quý bạn phương hướng để nghiên cứu “ĐẠO HỌC”. Bạn đi từng bước một, vững chắc, khoẻ mạnh và bền bỉ để “TRỊ”, rồi ngày thuận tiện nào đó, bạn sẽ đến chỗ HÀNH.

Tri phải Hành rồi trong chỗ Hành có Tri, cho đủ ĐẠO LÝ TRI HÀNH. Lần lượt quý bạn sẽ thấy một chân Trời mới, nhờ sức dũng cảm và nghị lực của bạn chớ không phải nhờ tôi.

Tất cả tùy khiếu thông minh và sự nhận thức của bạn. Dầu nguyện ân trên gia ban “Huệ Điền” cho các bạn hữu Pháp Duyên, suu tâm Chơn Lý, thấy đặng Tinh Thần của Đàn Kinh để “Tự Tri” và hữu dụng được kho tàng Pháp Bảo của chính mình.

Có một “chìa khoá duy nhất”, trong số nhiều chìa khoá khác mở cửa Thiên Đàng mà quý bạn dùng nó để mở bất cứ vách ngăn kín nào của “Bửu Lâm Tự”. Tôi chỉ vén màn bí mật giúp bạn mạnh vạn xông vào đoạt thủ nó, chớ không hiến tặng cho bạn được vì là sở hữu của bạn kia mà!

Trở về với ta, tìm đường lối trong ta.

Bồ Đề chi hướng tầm mịch, Hà lao hướng ngoại cầu huyền!

Chúc quý bạn thành công trên con đường dài “gian khổ”.

Bùi Hà Thanh cẩn bút.
Minh Liên trình bày
Ngọc Tuyên vi tính

(Tài liệu tham khảo diễn giải)

(Mùa Hạ, Rằm tháng Tư năm Mậu Thân, 1968)

---oOo---

LỤC TỔ ĐẠI SU

(Sự tích sơ lược ký)

Đàn Kinh dạy về bậc Thượng Thừa và Tối Thượng Thừa, lời lẽ u ẩn khúc chiết, sâu thâm huyền diệu khôn lường, không thể dùng lý trí mà khám phá nổi, vì quá sức hiểu biết của loài người. Dù cho bậc Đại trí như những nhà Bác Học, thông thái như Thạc Sĩ cũng không thể lấy lòng phàm tánh tục mà đo lường “Ý Phật”, trừ ra những nhà “Huyền Bí Học Uyên Thâm” mới khám phá nổi điều bí ẩn trong đàn kinh mà thôi.

Đây thuộc về việc của “*Bản thể thượng học*” của Tâm Linh giới thì phải nhờ đến Trực giác của Tâm linh mới kham.

Tạo chúc cầu Minh.

Đọc thơ cầu Lý.

Chớ giải nghĩa theo Lời,

Ráng tìm ra diệu Ý!

Bao nhiêu kinh sách ra đời chất thành non, chẳng nói ngoài TÂM TÁNH, không ngoài tôn chỉ Minh Tâm-Kiến Tánh để trở lại Bản nguyên. Muốn trở lại Cội nguồn thì phải rõ thông Nguồn cội, chớ “Điện Mục Bồn Lai”.

*Khởi đầu Đàn Kinh chỉ lai lịch của LỤC TỔ,
Cũng như Kinh Thánh nói sanh Jêsus,
Tây du tổ cội nguồn của TÊ THIÊN ĐẠI THÁNH
LINH CHÁU TỬ xuất thế trong Phong Thần.*

Dầu dụng ngôn ngữ như thế nào cũng không nên chấp ở danh từ ngôn thuyết mà phải tìm ra Chơn Lý tuyệt đối mà thôi.

Nên đề ý đây là kinh văn, nói chuyện nước Thiên Đường Cực Lạc Quốc, dạy về “Đại Đạo Vô Vi”, nói sự xuất sinh của Hồng Hải Nhi, của Bồ Đề Chơn Chung, không nên quan niệm về “Phàm thân” của Thế gian chi đạo.

Đạo chẳng ngoài ÂM DƯƠNG, “Hoà hiệp theo phàm pháp” thì sản nhục thân, theo Chơn Pháp sanh Thánh thể.

Mượn giả tỏ thiệt, lấy thiệt bày giả, khá biện minh rành mạch.

Kinh là “đuốc huệ” để soi đường cho kẻ Đại căn cũng là bầy rập gài người Hạ trí.

Tiền nhân không bao giờ cố ý đề cao khi ghi chép sự tích của HUỆ NĂNG Lục Tổ với lắm chuyện linh thiêng kỳ diệu, màu nhiệm phi thường, mơ hồ huyền ảo. Kẻ hậu học không rõ đặng nên “chấp lời bỏ ý”, không khám phá đặng ‘chơn lý’, phải sa vào Mê tín rồi lớp mê tín này truyền ra cho hạng mê tín khác để mê hoặc người và càng giúp cho dị đoan phong khởi.

I- Lục Tổ Đại Sư tên HUỆ NĂNG, cha Ngài họ Lư, huý là Hành Thao bị giáng chức quan đất Tân Châu, đương đời Đường, niên hiệu Võ Đức, năm thứ Ba, tháng Chín. Mẹ Ngài là Lý Thị, bữa kia nằm chiêm bao thấy trước sân muôn đoá Bạch Hoa tranh nở, đôi chim Bạch Hạc đua bay, mùi thơm lạ phương phát đây nhà khi thức dậy mới biết là điềm lành mà Cầu thọ thai nguyên từ đó.

II- Bà bèn Tắm gội tinh khiết, thành tâm trai giới, chịu thai nghén đến sáu năm mới sanh Đại Sư, chánh là đời Đại Đường, năm Mậu Tuất, niên hiệu Trinh Quán thứ Mười hai, tháng hai, ngày mồng tám, giờ Tý.

Xem qua sự kiết thai nói trên tuy là thông thường nhưng ý nghĩa rất tế nhị, xác thật, nên chú ý từ câu, từ chữ để phát minh diệu lý ẩn tàng trong ngôn thuyết.

Do phụ tinh, mẫu ý, nam nữ hoà nhau sanh thai.

Tự TÂM THẦN của người thọ thai thấy được nên nói là chiêm bao, người ngoài mình không ai biết được. Số 3, số 9 có liên hệ mật thiết $3 \times 3 = 9$. Họ Lư, họ Lý có nghĩa màu nhiệm riêng. Nói đời Đường để tỏ sự tốt đĩnh của giống dòng Lý. “Giống Tiên Thiên” mới sanh Trời con, Phật tử. Bạch Hoa, Bạch Hạc cho biết sự trong trắng, thanh bạch của cảnh tượng xuất hiện Chơn chung.

Đôi chim Bạch Hạc là Nhị Khí Âm Dương, thứ nhẹ nhàng khinh thanh, nên nói là giống biết bay.

Lưỡng long đầu đầu “sanh trái châu ở giữa”.

Đây là cảnh non nhân nước trí,
Kìa là nơi thảo dị kỳ hoa!
Âm Dương vừa lúc giao hoà
Đặng nghe sấm nổ Tiên gia giáng phàm

Trong có cuộc tuần hoàn chuyển động
Ba hồi chuông tiếng trống bên lầu.

Tay ôm phong nguyệt một bầu
* * * * *

Đã “kiết thai”, phải giữ lòng trong sạch, trai giới tinh nghiêm để bảo thai, phòng nguy lự hiểm. (tắm gội tinh khiết)

“Đơn kiết tụ” năm gìn bảy giữ,
Hớp “thuốc mầu” bá sự mới an.
Nhứt là tâm trí bảo toàn,
Ư kim, ư cổ chớ màng nhọc công!
Giữ “tâm không” nghe rờng đạo đức,
Vị “Thần tâm” tây vức nhẹ nhàng,
Cửu long, thất bửu đôi hàng,
Hào quang phát khởi nê hoàn xung thiên.

(chịu thai nghén đến “Sáu Năm” mới sanh Đại Sư.)

Đây là chỗ cần phải suy nghĩ kỹ, không khéo lại sa vào dị đoan mê tín. Thế thường có phàm thai nào đến 6 năm mới sanh nở chẳng?

Trái sự tự nhiên, phản khoa học thế nào tin được? Tại sao tiên nhân lại ghi chép vô ý thức như thế? Không! Đây là một sự thật hiển nhiên, đúng đắn trăm phần 100 với Thần thai. (Phật tử).

Hãy lắng nghe câu chuyện của Khrisnamurti thuật: “Ngày xưa có một ông đệ tử đến trình diện với ngài Đạo sư và yêu cầu Ngài dẫn ông ta đến hầu vị Chân Tiên. Ngài Đạo sư chuẩn nhận điều thỉnh nguyện của ông đệ tử nhưng buộc ông này phải thi hành đúng theo lời ngài chỉ dạy.

Ông đệ tử mừng quýnh và chịu vâng theo. Trong Bảy năm liên tiếp ông ta phải sống trong “một cái động gần đấy” và ngày ngày tu hành y theo lời chỉ dạy của ngài đạo sư.

(Nhập Tâm thất, sống với nội Tâm)

Đầu tiên người ta bảo ông đệ tử ngồi điềm tĩnh, yên lặng mà cả vừa tập trung tư tưởng nữa.

Đến năm thứ Hai, ông phải làm thế nào Thỉnh cho được vị Chân Tiên vào động.

Năm thứ Ba, ông phải mời vị Chân Tiên ngồi với ông.

Năm thứ Tư, ông phải đàm đạo, chuyện vãn với vị Chân Tiên.

Năm thứ Năm, ông phải dắt vị Chân Tiên dạo khắp trong động.

Năm thứ Sáu, ông phải làm sao để vị Chân Tiên ly khai khỏi động.

Đến năm thứ sáu, ngài Đạo sư bảo ông đệ tử Bước ra khỏi động và phán rằng: “Bây giờ nhà ngươi đã rõ ai là Chân Tiên, Chân Thánh”.

Giả: Vị đệ tử quan niệm tìm “Chơn Tiên” ngoài “Lòng Minh”

Chơn: Ông Đạo Sư chỉ dạy phải “Tâm Hành” để gây dựng “Chơn Tiên, Chơn Phật ở trong “Nội Tâm”.

- Năm đầu ta ngưng Thần tụ Khí, hoà hiệp Âm Dương cho sanh “Ánh Sáng” (Bồ Đề Bát Nhã). Có sáng lòng, Tâm mới Thanh tịnh. (Tánh mạng song tu - Định Huệ đồng tri).

- Năm thứ Hai, tâm thanh tịnh Chơn dương phục, ta tiếp khí chơn dương vào động (khí huyết) đặng “tiêu dục”, kiết thai.

- Năm thứ Ba, ta giữ Chơn dương ấy kè ta, không rời.

- Năm thứ Tư, Hồng thai đã lớn, biết nói chuyện (máy động, nghe tiếng thấy hình).

- Năm thứ năm, “Anh nhi” đi khắp động. (Hành đại châu thiên).

- Cuối năm thứ sáu bước qua năm thứ bảy đượ “Thuần Dương” trọn vóc tiên, thoát thai “Thần hoá”, nhộng thành bướm ra khỏi động gọi là “sanh Đại sư” (Đại dục) (Xuất Tánh- Viên Minh tánh trí)

(Chơn Tiên)

Danh từ, số mục, năm tháng ngày giờ có nghĩa Thần bí của nó, phải để ý, đừng bỏ qua vì thánh nhân đã dụng ý kỹ lưỡng.

Trong sáu bảy năm công phu đúng phép ta thâm thập vô số kinh nghiệm, đạo sanh hoá vô cùng, không thể tả xiết. Ta nhận thức đượ nhiều cảnh tượng phi thường, không dùng lời nói mà miêu tả đượ vì nó vượt ra ngoài ngôn ngữ.

Trên đường tu, ta phải vượt qua từ chướng ngại này đến chướng ngại khác. Ta phải luôn luôn sáng suốt với mình mới khỏi làm mưu yêu quái. Nó biến hoá vô cùng, nó đến cùng ta với thiên hình vạn trạng. Ta phải chịu nhiều sự đau khổ như kẻ mang thai, “con tim biết bao lần rướm máu”.

Đoạn sau Lục Tổ Đại sư có di ngôn dặn môn đồ phải tinh thức đề phòng để bảo vệ Chơn Thân của ngài vì trong vòng 6 năm có kẻ rình rập làm hại và chắc chắn sẽ đến vì lẽ tên Trương Tịnh Mãn. Vượt qua tai nạn này thì chắc ăn vì đã cẩn thận gìn giữ vẹn toàn cái “Tự Tánh Chơn Phật” nó nảy nở tốt tươi, đẹp đẽ, khỏi cơn đại hiểm của lúc sản phụ sanh thai, qua đèo qua ải (Đại dục quá quan) “Quan Thánh quá ngũ quan trăm lục tướng” (lục tặc)

3- Khi sanh Ngài ra Hào quang sáng hực giữa Trời, mùi thơm bát ngát, vừa hùng sáng có “Hai vị Thánh Tăng” đến ra mắt, bèn tỏ lời với Thân phụ của Đại sư mà rằng: “Con ông mới sanh bữa hôm đặt tên Càn dùng trên chữ “HUỆ”, dưới chữ “NĂNG”.

4- Lư đại nhơn mới hỏi: Vì sao để tên là HUỆ NĂNG?

5-Tăng sư đáp rằng: “HUỆ ấy là lấy ơn Pháp mà tế độ chúng sanh, còn NĂNG là làm nên việc Phật”.

Nói rồi kiêu lui Chẳng biết đi nơi nào.

6-Đại sư không bú sữa mẹ, mỗi đêm có Thần nhơn cho uống lấy “nước cam lồ” mà thôi

Giải: Từ đây bước qua một giai đoạn mới, ta đã đắc “Huệ” được Trục giác, đã hiển chân mới phá vọng nổi, nhờ Trí Huệ soi phá Vô minh.

Mặt Trời tỏ muôn lần quét sạch,
Ánh như Trăng soi vách gọi đường.

Cảnh Bình Minh (Hùng sáng) là chỗ hiện diện của hai cái Tối Sáng (Hai vị Tăng) lúc xuất hiện của Thái Dương (Thần thể Tánh) muôn ngàn tia sáng (Hào quang).

(Giờ Tý, Dương sanh, đến sáng mới xuất hiện. Trăng khởi sự tiếp Chơn dương ngày cuối tháng, đến mùng 3 mới thấy.)

Cái Thánh thể, Phật tử ấy, xuất hiện, dĩ nhiên phải sáng hực Trời, mùi thơm bát ngát vì nó do sự qui nhút của Tam Bửu (Tinh-Khí-Thần, Phật-Pháp-Tăng) mà nên.

	Ngươn Thần, ngươn Khí với ngươn Tinh
Tam Bửu	Ráp lại lâu lâu nó tượng Hình
	Phá cửa Linh đài vào bái Phật,
Ngũ Hành	Ngũ Hành hiệp nhút rất mâu linh!

Qui Y Tam Bửu cũng gọi là Tam Huệ tụ danh, ba phần Chơn Hương (giới-định-huệ) gom về lư danh, mùi thơm bát ngát khi gặp lửa nung. Có lửa thì có ánh sáng, có hơi thơm. Nhờ sức mạnh của Dương Khí công Thần thai dờ về Thượng Đảnh nói Ngũ Long Bồng Thánh, Long Nữ hiến Châu (mặt Trời dưới nước mọc lên). Khí sanh thai, sản phụ cũng phải nhờ “Khí lực” đưa thai ra. Cái ấy quan trọng lắm, nhờ nó mà gây dựng muôn

Pháp, ở đâu cũng có Nó. Quyền năng của Nó rộng lớn vô bờ bến ...

Ta thường thấy trong hình Thiện Tài Đồng Tử, Na Tra, mấy chú tiểu ở chùa, trên đầu có chừa “Ba vá” để tiêu biểu “Lý Qui Y Tam Bửu, Tam Ngôi Nhứt Vị. Một vóc Ba thân, Phật ba mặt

“*Một mà Ba, Ba mà Một*”.

Đã là “Dương khí” thì rõ là Một khối Âm Dương rồi, vì tánh cách quan trọng, tối cầu bí yếu của Nó trong sự gây dựng nên “Công phu luyện Khí” phải đứng đầu và khó nhứt của người TU, nên hư, thành bại do đó!

- HUỆ NĂNG: Huệ (TÁNH) thuộc Tri, Năng (MẠNG) thuộc Hành, gồm cả Đạo Lý Tri-Hành.

- THẦN KHÍ: Thần (Ngộ Không), Khí (Ngộ Năng).

Có “Huệ” mới soi phá phiền não, đồng nghĩa với nhờ thuyền Bát Nhã (Trí Huệ) độ người qua đất Phật; nhờ nó mà lòng phàm tuyệt, tánh tục tiêu nên nói “lấy ơn Pháp tế độ chúng sanh(tính).

“Năng”: có làm, mới nên việc Phật.(Đóng thuyền)

Nói hai Thánh Tăng không biết từ đâu đến và đi cũng không rõ về nơi nào. “Khứ lai vô tông tích”

- Ai biết sáng tối từ đâu đến rồi đi về đâu? Hết tối rồi sáng (nhị Khí), hết sáng rồi tối. Tối sáng nương nhau mà xuất hiện, sanh sanh diệt diệt vô cùng.

- Hai cái làm Nhân, làm Duyên lẫn cho nhau. Sáng sanh tối, Tối đẻ Sáng. Khi Sáng thì Tối ẩn trong Sáng, khi Tối thì Sáng ẩn trong Tối. “Hai” cái Hàm tàng nhau không ly lia, thành “một” khối bất phân.

Đây là chỗ Lục Tổ nói: Khi Định thì Huệ ở trong Định, Khi Huệ thì Định ở trong Huệ, đừng nói trước Định rồi sau Huệ, như thế thì “Pháp có hai sao?”

- Đại Sư không bú sữa mẹ ... “Nhờ Cam lồ thủy nuôi nấng” ...

Đây là phép Tam niên nhũ bộ. Nhờ Khí Thần Dương điểm hoá Ngươn Thần. Nói cách khác là Phật Mẫu Quan Âm Bồ Tát nuôi dưỡng và dạy dỗ Thiện tài đồng tử với Dương liễu thủy trong Tịnh Bình, nói “Ban Đêm” là kín đáo không ai thấy biết được vì đó là “huyền vi, bí ẩn của Thần nhơn”

Khi Ngài được Ba tuổi thì Cha Ngài từ trần, táng nơi bên vườn.

- Mộng cây mọc lên đầy đủ thì hạt giống tiêu luôn tại chỗ, chỉ còn Đất nuôi dưỡng cây non nên nói mất Cha, còn Mẹ và sanh đâu táng đó.

- Phàm Tánh sanh nở trên miếng đất Tâm Điền và bị vùi chôn trong đất ấy, khi Bồ Đề Chơn Tánh xuất sinh đầy đủ, nói là Đạo Tâm sanh, Phàm Tâm tử, hiển Chân phá Vọng, đổi Xác thay Hồn.

a- Trước riêng nói về phần Tinh Thần trí tuệ (Linh Hồn), làm cái việc phân tách, diễn tả lai lịch của Tôn Ngô Không (Tây Du). Vốn bẩm ư Thiên và có thể trở về “đồng nhứt với nguồn cội” nên nói là “Tề Thiên” (bằng Trời).

b- Sau chung nói: Một cá nhân gồm cả thể xác lẫn Tinh Thần để tổng hợp như Tây du nói việc Trần Huyền Trang (Tam Tạng) ra đời.

Từ lúc sáng thế, tạo thành Vũ Trụ, vạn vật, muôn loài xuất hiện trong vòng Càn Khôn đều đồng “Một Bản Nguyên” và chịu chung một Định Luật “Càn Khôn” là Tương Đối, là Mâu Thuẫn rồi. Cái ấy tạo hoá ra và chi phối tất cả.

Phàm Một cái thân được sanh ra bao giờ cũng gồm Nhị Thể. Hai phương diện: XÁC HỒN “Vô vi-hữu tướng” Chơn giả, Chánh tà, Thiện ác, thờ của Trời, ăn của Đất.v.v... Như thế cần phải tìm hiểu cho rành mạch sự Tương Quan, tương liên của vạn vật và vũ trụ để đạt Chơn Lý.

LÝ thì xét “Tam tam tiền hậu”
Ngoài “vòng Trời” còn giấu Lẽ chi?
Nào là huyền diệu ẩn vi,
Xanh kia dính với Minh ni thể nào!

8- Bà Lý thị thủ tiết nuôi con. Lần hồi Đại Sư lớn lên Bán củi đổi gạo mà nuôi Mẹ. Đến 24 tuổi nghe kinh liền xét tỏ bèn tìm đến Chùa Huỳnh Mai, đánh lễ ra mắt Ngũ Tổ. Ngũ Tổ khen là người có Đạo Khí, phó truyền Y Pháp, khiến nối Ngôi Tổ Sư.

9- Thuở ấy nhằm niên hiệu Long Sóc, kỷ nguyên là năm Tân Dậu. Từ đó Ngài quay về Phương Nam lánh ẩn. Đến niên hiệu Nghi Phụng Bính Tý năm đầu, “Tháng giêng mồng 8” gặp thầy Ân Tông gạn hỏi các lễ mầu nhiệm. Thầy Ân Tông tỏ hội được ý chí của Sư cũng trong tháng ấy “ngày Rằm” khắp nhóm tứ chúng xuống tóc cho cho Đại Sư.

10- Sang “tháng Hai ngày mồng 8” nhóm cả các vị danh đức, thọ cụ túc hai trăm năm mươi giải:

- 1* TRÍ Quang luật sư làm Thọ giải sư Tam-Huê (gốc của
- 2* HUÊ Tịnh luật sư làm Yết ma Tam Tạng)
- 3* THÔNG Ứng luật sư làm Giáo thọ “Ngũ Khí” hội hợp
- 4* KỶ Đa la luật sư làm Thuyết giải (triều ngươn)
- 5* Mật Đa Tam tạng làm Chứng giải thành chỗ “giải đàn” (nền Tâm)

11- “Giải đàn” này Gốc từ triều nhà Tống, ông “Câu Na Bạc Đà La Tam Tạng sáng lập”, có “dụng bia khắc chữ rằng: Sau đây có vị Nhục thân Bồ Tát thọ giải về chỗ này”.

(chỗ 1-3, 3-1. Một phân Ba, Ba hiệp Một)

12- Còn đời Lương hiệu Thiên Giám năm đầu có Ngài Trí được Tam Tạng từ bên Tây trúc cỡi bè qua biển có đem một cây Bồ Đề bên nước ấy sang qua nước Tàu trồng bên cạnh giải đàn này cũng có ghi lời tiên tri rằng: “Sau đây 170 năm có vị Bồ Tát xác phàm ngồi dưới gốc cây này mà thuyết pháp Thượng thừa chúng sanh nhiều lắm. Thật là một vị Pháp chủ tâm ấn của Phật”.

GIẢI:

Câu 8: Trong Một Châu Thân “Tiểu Thiên Địa” ấy gồm có ba phần: Đầu-Ngực và Bụng, nói theo vũ trụ Thượng- Trung- Hạ giới, theo Đôn kinh là Thượng- Trung- Hạ điền. Triết học gọi là giới Tâm Linh- giới Lý Trí- giới Tình Cảm, cũng nói Tinh Thân- Sinh hoạt- Vật chất v.v.. Số 3 là số Mầu Nhiệm của Đạo, nó tượng trưng cho sự Biểu hiện của “Tam Vị Nhứt Thể”. Nó luôn luôn nhắc lại Ba mà Một, Một sanh Ba, chỉ định cái Nguyên Lý Đôn Nhứt tối sơ, căn nguyên của vạn vật, do đó Con Người đến cõi trần gian (đường đi) và cũng nương đó Con Người phản hoàn nguyên bản (lối về).

1- Đầu là chỗ đóng đô của Tinh Thần, bộ óc chỉ huy tối cao “Thần Kinh Hệ” (Quần Tiên Hội)

2- Bụng là chỗ cự ngụ của Vật chất (Bao tử, ruột).

3- Ngực ở giữa làm trung gian, môi giới cho Tinh Thần và Vật Chất, gồm Phổi, Tim để vận hành khí huyết. Nhìn ra Đại Vũ Trụ ta thấy trên không, khoảng Hư Vô là Trời, dưới là khối hữu hình đặc cứng là Đất, khoảng giữa là Không Khí, tuy Vô hình mà Hữu chất, Vô mà Hữu, Hữu mà Vô nó là cái gạch (-) nói liền Vô Hữu.

(Bà Lý Thị thủ tiết nuôi CON. Lân hồi Đại Sư lớn lên bán củi đổi gạo mà nuôi Mẹ).

Tuy vắn tắt, giản dị đơn sơ nhưng chứa đầy Huyền vi của Máy linh Tạo Hóa. Đây là bí ẩn Thiên cơ, đâu dám cạm tỏ tinh thâm dầu với kẻ đã hải thệ sơn minh cũng không thể mạo tội

Trời dễ duôi tiết lậu, buộc lòng Thánh nhơn xưa nay phải dùng ẩn ngôn dụ ngữ rất nhiều để ám chỉ cho người Trí, kẻ đại căn có đủ sáng suốt phát minh được “điều lý trong lời kín hờ mà thôi”.

-Việc không nhiều mà khó nói, khó nhận, khó hiểu nên phải nói nhiều, trình bày lăm sách, dùng vô số danh từ.

- Phàm con người từ vô thi đến giờ đã sống muôn đời quen thuộc với âm thanh sắc tướng, đã bị vật chất hóa làm bết tất Thiên Lý nên cái gì thấy được, nghe, sờ được mới nhận thức được. Vì thế Jêsus thường lập đi nhấn lại câu: “Ai có tai để nghe, hãy nghe”. Muốn cho người khác biết đặng “Cái chưa từng biết”, tất nhiên phải dùng ví dụ, mượn cái “đã biết” để cho có thể hình dung được cái “chưa biết”. Chỉ biết cây cung mà chẳng biết “Ná Lẫy” thì phải nói: “Ná Lẫy là cây cung có bá, có lẫy”, chớ nói Ná Lẫy là ná lẫy thì cụt hứng...

Nên nhớ, đây là “Tiên Thiên Đại Đạo”, vô thanh, vô xú, vô tượng, vô hình vượt ngoài ngôn ngữ, không lệ thuộc thời gian, không gian, có thể quá sức hiểu biết của loài người thì việc thuyết minh lại càng khó bội phần.

Thánh kinh hiền truyện lưu truyền vô số không ngoài mục đích giúp người “Hiểu biết và làm theo” để tự giải thoát khỏi xiềng xích của Vô Minh, ra khỏi vòng lẩn quẩn của sanh tử, của luật biến thiên vô thường để phản bổn huồn nguyên, trở về nên MỘT với “Trung tâm bất biến”.

“Biên khu” luân lạc từ bao,
Tìm sao cho thấy đường vào “Trung Dung”.

Đường Trung Dung linh lung ẩn khuất,
Nẻo Bồng Lai gai rập, lau che...

Để đạt mục đích nói trên Tiên nhân bất đắc dĩ phải gắng gương đặt tên, phải Nhơn hình hoá, vật chất hoá cái “Máy Linh màu nhiệm” tiềm tàng sâu kín trong Vũ trụ để khai mở bồi bổ cái Tri giác của kẻ Đạo Tâm và hướng dẫn theo đường lối Chánh Chơn tuyệt đối. Cũng noi theo chỗ dụng ý ấy tôi vẽ ra hình sau đây để có phương tiện trình bày, mong bạn tầm đạo thông cảm chớ mượn quyền để bày “Lý” của tôi

1-Hỏa I-Điều Trì

2-Phong Mẫu Tử Hà

(Thông Thiên Hà, Ngân Hà, Lưu Sa Hà, Huỳnh Hà, Tây Giang),

3- Thủy Tào Khê.v.v...)

II- Liên Trì

Trong ta có 2 cái ao được liên lạc và nuôi nấng lẫn nhau bởi Một con sông có hai dòng: “Thuận-Nghịch”

1- THUẬN là ra đi, là hạ trần, Tinh Thần vào Vật Chất, Thánh sanh phàm, Phật thành yêu, là “Đọa” là lia “Nguyên Vị”.

2- NGHỊCH là trở về, là “Siêu Thăng”, vật chất qui Tinh Thần, phàm nên Thánh, yêu thành Phật, là “Siêu”, là “Hồi Nguyên Vị” (về ngôi vị cũ, trở lại vườn xưa).v.v... Đó là cơ “Đọa Siêu, siêu đọa, Phật yêu, yêu Phật... Nói sao cho cùng, nắm đặng Lý căn bản này thì Thiên kinh vạn quyển nhưt thời minh.

“ĐỨC MẸ” là nguồn gốc sanh hóa muôn loài vạn vật, cư ngụ tại Diêu Trì Cung, kinh tôn xưng là “PHẬT MẪU DIÊU TRÌ”, Tây Vương Mẫu (Bà MARIA của cơ Đốc giáo). TA cố gắng đem tất cả năng lực thử sưu tầm sự thật (Chơn Lý) ra sao để khám phá sự sanh thành dưỡng dục của cơ TẠO và HÓA của ĐỨC MẸ tối cao, tối Linh và hầu tìm ra Đường cả (Đại Đạo) lớn lao vô lượng vô biên, vô thi, vô chung, vô cùng, vô tận ấy.

ĐẠI ĐẠO vô hình, sanh dục Thiên Địa
ĐẠI ĐẠO vô tình, vận hành Nhựt Nguyệt
ĐẠI ĐẠO vô danh, trường dưỡng vạn vật
Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng danh viết “ĐẠO”.

(Thanh tịnh kinh)

Nghĩ ra việc tìm để Hiểu Biết này dường như quá sức Loài người song có khó mới có Nên, có Bền mới có Chắc. Muốn sống và Tiến bộ, con người phải hoạt động, phải khắc phục tất cả chướng ngại, trở lực của Thiên nhiên và hoàn cảnh trong đó mình đang sanh sống. Đó là việc của Thế nhân mà còn phải khó khăn, lao nhọc như thế huống đây là tìm một lối sống lớn lao đẹp đẽ của người Xuất thế, của Tinh Thần ĐẠO ĐỨC. Việc đòi trước mắt dễ như chơi

Đạo Pháp thâm sâu mới khổ đòi.
Nhưng Vua THUẬN là ai? TA là ai?
Người xưa có khác chi mình!
Phật Tiên, Thần Thánh trong hình phàm phu.

Cũng có câu:
Phật Tiên bôn thị Phàm nhơn tố,
Liễu đắc phàm nhơn tức Thánh nhơn.

Không nên tìm kiếm xa vời mà phải chơi vui lạc lõng.

TA là Tiểu vũ trụ: Tất cả là TA- TA là Tất cả.
“ĐẠO đâu? ĐẠO ở nơi TÂM,

Thì đâu có phải kiếm tìm đâu xa?
Phải tập đi dưới Đất rồi sẽ học bay trên Trời! Phải biết cho rõ ráo “TA” phàm nhơn (giả nhơn) để nên cái “TA” CHƠN NHƠN (Chơn ngã).

- Quay về với TA, tầm đường lối trong TA (connais-toi, toi mème, tu connaitras DIEU et l' univers.) Người hãy tự mình biết mình rồi sẽ biết đặng THƯỢNG ĐẾ và vũ trụ.

- Cái BẢN THỂ của TỰ TÂM vốn là THANH TỊNH nhưng im lìm bất động mãi mãi vậy sao? Nếu thế thì làm sao TẠO và HÓA đặng, làm sao TẠO thành vũ trụ là Cô Âm thì Bất sanh rồi?

- Trong chương “Thu thủy” Trang Tử có nói: “Mỗi mỗi đều có Hai phương diện. Muốn có Phải mà không có Quấy, có Trị mà không có Loạn là chưa rõ LÝ của Trời Đất, cái Tinh của vạn vật, ấy là mơ tưởng có Trời mà không có Đất, có Âm mà không có Dương, hai phương diện đồng có của mỗi vật. Muốn phân hai phương diện tương đối ấy ra như Hai vật có thật thì là vu phán nếu không phải là Ngu xuẩn!

- Có chỗ nói “Ban sơ có một ông Không lồ tên là Bàn Cổ nằm im lìm không biết bao lâu rồi vùng thở. Từ đó Ngài tạo thành vũ trụ .v.v...” (Xem Kinh Thánh Tin Lành chỗ sáng thế của JEHOVAH là Đức CHÚA TRỜI (Ngươn Thần) với Ngôi Lờ (Ngươn Khí) của Ngài (Parole). “Giữa” chỗ Tịnh nằm và Động thở, có cái Máy Sóng, có sanh Một vật báu vô cùng biến hóa, vô cùng linh diệu.

- Âm Dương xung hoà, Phụ Tinh là (Lư ông), Mẫu Ý (Lý thị) tương hiệp. Lý Tinh gồm hai sanh Bồ Đề Chơn Chủng, Phật tử Huệ Năng. “Con” là cái kết quả của Tinh yêu giữa cha mẹ, cái gạch nối liền con Sóng liên lạc giữa Đất Trời.

-Trên là Trời, dưới là Đất, vạn vật được tạo thành ở giữa.

-Cha gieo giống, Mẹ lãnh và nuôi nấng hạt giống.

Có Tinh gieo giống xuống
Bồi Đất, Trái bèn sanh
Không Tinh cũng không giống
Không Tánh ắt không sanh

“Cực TỊNH sanh ĐỘNG”

Trước cái ĐỘNG sau cái TỊNH, chỗ Âm Dương giao hoà Nhứt Dương sanh, lia Cha nhập vào lòng Mẹ.

- CÀN (☰) KHÔN (☷) một lần giao cấu, CÀN mất 1 hào Dương, biến thành LY (☲) “trung hư”. KHÔN dạng Nhứt dương ấy lấp ruột thành KHẨM (☶) “trung mãn”.

“Càn Khôn biến LY KHẨM”, “Hà Đồ thành Lạc Thơ” (đổi vóc).

TIÊN THIÊN NGUỒN KHÍ (Đức Mẹ) Mẫu Khí một lần động sanh TIÊN THIÊN NGUỒN TINH (Đức Con) Tử Khí

“Đây là LÝ biến sanh”. Khởi Đầu như thế để dần dần TẠO thành vũ trụ, vạn vật muôn loài là cái Rốt. Bất Biến sanh Biến thiên. Nhứt bốn tán Vạn thù, một sanh hai, Hai sanh Ba, Ba sanh Vạn v.v... Đây nói thuận là Ra Đi.(Giáng Bồn lưu Mạt nhi vạn vật)

Đức Mẹ là Gốc (Bồn) ở Diêu Trì.

Đức Con là Ngọn (Mạt) ở Liên Trì.

“LIÊN TRÌ HẢI HỘI PHẬT” (Ao sen biển nhóm Phật).

Tới đây” đã sát Ranh Phạm Thánh, chỗ Lương giải Sơn.

(Siêu) Biết quày về hương thượng thì nên Một với Phật Tiên được tham dự

“Bàn Đào Hội của Tây Vương Mẫu”.

(Đọa) Ngu muội đi luôn, trượt chơn sa vào Trầm luân khổ hải.

-Nhìn Cung KHẨM (☶) “trung mãn” ta thấy rõ Đàn bà mang thai Nam tử (âm trung hữu dương). Cái BỒ ĐỀ Chơn Chủng này Quan trọng lắm. Phải gieo trồng, chăm sóc nuôi dưỡng nó cho kỹ càng, đúng mức, cho nó nảy nở tốt tươi mạnh mẽ, cành lá sum sê để núp dưới cội gốc, nhờ sự chở che của nó để nên Phật Tổ. (Chớ làm Cây Bồ Đề trồng nơi chùa mà ta đã thấy).

Mẹ Dưỡng thai cách nào, với phương tiện nào? “Bào thai tiếp phần TIÊN THIÊN của Mẹ” bằng cuống Rún nên nói Thai tức. (hơi thở trong thai) cũng nói Tiên Phật thở bằng Rún.

Bào thai sanh nở nhờ nước Cam lồ mà lớn mạnh. Phải là Thuốc Tiên, Bánh Trời, Com Phật mới đặng.

“THỦ TIẾT” là giữ lòng trong sạch, trai giới tinh nghiêm, tiết cầm không dờn dỗi (tắm gội, rửa tội), bảo toàn bản chất TIÊN THIÊN của trang “Thánh Mẫu”, bằng không, phải sa vào ô trược nặng nề, rớt qua Hậu Thiên làm Phàm Mẫu

(Đàn bà ngoại tình trong Kinh Thánh).

Đã trình bày sự Sanh Thành, Dưỡng Dục của Mẹ-Cha, bây giờ quan sát đến việc “Ngược lại” của Đức Con đã trưởng thành đền đáp công ơn Đức Mẹ.

Trên Đầu nuôi Thân
 Trong Miệng tim ăn
 Gặp nạn tên Mãn
 Dương Liễu làm Quan
 (Giải ra sau phẩm Phó chúc)

“ĐẠI SƯ LỚN LÊN BÁN CỬI ĐÔI GẠO NUÔI MẸ”

Bao nhiêu kinh sách dạy tạo Tiên, tác Phật gồm “một câu này”.

Đây là lý “NGHỊCH SANH” cho tròn cuộc tuần hoàn để Hoàn Nguyên Bản. – Chúa JÊSUS nói: “Con Người cần phải “sanh lại” mới vào nước Thiên Đàng.” (Vô vi)

Nicodème hỏi: (Chuyện ấy có thể nào được? Tôi đã già làm sao trở vào bụng Mẹ để sanh lại) (Hữu tướng).

Ngươi là Giáo Sư của người Pha-ri-si mà không biết việc ấy sao?

Từ xưa tới nay chẳng có một vị Giáo Chủ nào của ĐẠI ĐẠO dám lậu chỗ Bí mật của “Máy Linh này”. Nhứt định phải khẩu truyền tâm thọ mà thôi.

“Cái TÁNH” có thể tự mình, hoặc do kinh sách, hoặc nhờ người khác mà biết đặng.

“Cái MẠNG” ắt phải Thầy truyền.

Muốn lậu điều chẳng dám lậu, phải u ần, tráo trở, nói Đầu giấu đuôi, nói Đuôi giấu Giữa, nói giữa giấu Đầu để người cố gắng tầm ra và ráp cho đúng phép thì rõ “Nguyên Hình”, đạt đến cái toàn nguyên do tổng hợp các phần tử có thứ lớp.

THUẬN: Thần tạo Khí, khí tạo Tinh

NGHỊCH: Tinh hóa Khí, khí hoá Thần

Cũng là Phật- Pháp- Tăng. Tăng- Pháp-Phật.

Ta thấy cái trung gian môi giới là “KHÍ (Pháp)” ở giữa Phật Tăng. Do đó ta hạ trần, cũng nương đó ta về Nguồn cội tuy đặc tánh của nó: Thanh Trược, Chánh Tà, Chơn Giả.

Như trước kia đã nói: “Tiên Thiên Nguơn Khí” một lần động sanh Tiên Thiên Nguơn Tinh, đã sát “Ranh Phàm Thánh”, động nữa sanh Hậu Thiên giao cảm chi tinh để hoá Phàm, Tinh, Khí vốn là một.

Còn Nguyên Thể gọi là “Ngươn Khí”, động mà sanh nên ra khỏi nguồn gốc, đã “đổi vóc” nên gọi là “Ngươn Tinh” đi xa nữa chẳng còn giữ dạng

“Bản chất” tiên thiên mà phải hoá thành Hậu thiên.

“Chơn biến thành vọng- Bồ Đề sanh Phiền não”.

Điều cốt yếu của người tu Tiên Thiên Đại Đạo là chẳng khá khiến cái “Ngươn Tinh” biến thành Tinh giao cảm mà phải cố gắng làm cho nó về gốc hoá thành Ngươn Khí.

(Nghịch chuyện)

“Đức ME” sanh “Đức Con” phải bị hư khuyết, hao mòn thân vóc, Nữ đồng trinh trở nên Đàn Bà gầy ốm.

Là con Đại Hiếu phải nhớ ơn sanh thành dưỡng dục, trở lại bồi bổ cội căn cho sung túc, đầy đủ như xưa mới xứng đáng con Phật, chẳng nên đi xa quên mất “gốc cũ” mà phải tội vong bản và hễ là căn nguyên thì thể nào tồn tại, chắc chắn phải sa vào “Cửa Tử”.

“Con xa Mẹ là Con hư mắt, Chiên lạc loài”.

Ngươn Khí sanh Ngươn Tinh cũng gọi là “Chơn Khí Dương Tinh”.

Ngươn Khí, Ngươn Tinh là gì đây chớ? Đã trót nặng mang cái sắc thân đứng trong vòng Càn Khôn thiên hình vạn trạng

làm sao với “mắt thịt” có thể thấy được cái “Vô vi”, bí mật ẩn tàng trong khoảng Hư không của Vũ trụ.

“Vô vi nhi Vô bất vi – Không mà Sắc”

Trong Không gian Có một vật vô cùng linh diệu, thiên biến vạn hoá, ẩn hiện phi thường.

Tháng Giêng, đầu mùa xuân, giữa đêm, nhiệt độ sụt xuống đến mức nào đó, xuất hiện “một vật lơ mờ, mù mù mịt mịt”, sắc mà không, không mà sắc, chắc chắn chúng ta đều biết đó là:

“Sương Mù” (Matiere étherique) là “Hơi nước”, nửa nước nửa hơi. Đó là Hơi Hư Vô sanh Hơi Nước. Hừng sáng nhìn thấy trên lá cây ngọn cỏ những giọt nước trong veo, con đê của Hơi Sương gọi là:

“Giọt Sương”, đã nên Hữu Hình, thuộc chất “Lông”.

Hơi Lạnh tăng gia như bên Trời Âu, nước này thành “Tuyết”, lỏng mà đặc (sên sệt). “Tột lạnh” như ở Nam Bắc cực, Tuyết thành:

Giá, “đặc cứng” như nước đá, hoàn toàn hữu hình.

a) Ngươn Khí: Hơi Hư Vô là Đức Mẹ

I- Thánh= b) (Ngươn Tinh: 1- Hơi Sương là Đức Con (Chơn chủng)

-Ranh giới- Tinh giao cảm: Giọt sương

II- Phàm = 2- Tuyết : Chúng sanh chủng (giả)
 3- Giá, nước đá : Chúng sanh thể.

Mẹ sanh thành dưỡng dục Con, nếu nói Con sanh thành dưỡng dục Mẹ thì khó nghe, đấng miệng khó nuốt, nên phải nói Con nuôi dưỡng Mẹ mà thôi, chớ đã nói “NGHỊCH SANH” thì sự thật là như vậy.

Trong chuyện Phong kiếm xuân thu nói “Tôn Võ Tử” sanh Tôn Tháo, Tôn Tháo lại Sanh Tôn Võ Tử (Tôn Tần) và để giải thích cái “Lộn kiếp” này, tác giả đã buộc tội Tôn Võ Tử sát sanh quá nhiều nên phải “Cha là Con, Con là Cha”, để ám chỉ lẽ Ngược xuôi, Xuôi ngược, Sát sanh- Phóng sanh.

“THƯỢNG ĐẾ là TA – TA là THƯỢNG ĐẾ...”

Biết lý này thì không còn thắc mắc lời “Con sanh Mẹ”. “Hơi sanh Nước – Nước thành hơi” là sự thật hiển nhiên không cãi.

Với phương tiện nào Con nuôi Mẹ hầu thực hành cái việc “Sanh lại để vào nước Thiên Đường”, nhập Niết Bàn Cực Lạc?

“Đón củi, đôi gạo, nuôi Mẹ!” Nói nghe dễ dàng giản dị mà làm thì vô cùng khó nhọc, ngoài sức tưởng tượng mới có câu Thiên nhơn cầu Nhứt, Nhị.

“Tu hành có dễ gì đâu?
 Lạc sai luyện đến bạc đầu như không”.

(Làm cái việc rất tầm thường của tiều phu, đem Kim khắc Mộc, “lấy Búa đốn Cây” thì có củi, có củi thì có Gạo mà khó gì?

Trái “Khinh khí cầu” chứa đầy hơi đang lơ lửng trên nền trời xanh với “Chủ”, đột nhiên bị “Tẩu lậu” một phần hơi, rớt xuống sanh “Nước” tất nhiên phải hạ xuống một bực, ốm đi một phần. Nếu cứ tiếp tục để “xì hơi” mãi đến “tuyệt khí” thì xẹp lép, còn cái xác không hồn, nằm ỳ và tự tiêu diệt luôn trên mặt đất.

Hải hùng trước tai nạn rừng rợn sẽ đến cho mình, “Chủ Nhơn Ông” khôn ngoan, sớm tìm cách “chặn lấp lỗ hổng” (phục khí) và cố tạo “hơi nhẹ” bơm vào cho đầy, để trái cầu và mình trở về vị trí cũ.)

Ta đã biết do sức “Lạnh”, hơi tuột xuống thành nước, ngược lại phải do sức “Nóng” nước bay lên hoá hơi.

“Cây” là nguyên liệu để sanh “Lửa”, mà đây là “Lửa Thần” trong lò Bát Quái của Thái Thượng Lão Quân dùng nấu thuốc “Trường sanh bất tử” .- nấu rượu, nấu thuốc: LỬA là Chánh Công, chẳng dám khinh truyền.- Biết đặng phép làm lửa (Hành Pháp) Ngươn Tinh về gốc biến thành Ngươn Khí và cứ được bồi bổ nuôi dưỡng lâu ngày thì phản lão hoàn đồng, lâu lâu sáng rõ như Hằng Nga đôi tám, như nữ đồng trinh tuổi trăng tròn.

Hào Dương trong “KHẨM” bay về lập ruột cung “LY”, vóc Tiên Thiên đầy đủ trở lại nói theo quái hào là thủ khảm điền ly,

Càn Khôn hoán tượng, Lạc thơ trở lại Hà đồ. – “Việc hoàn nguyên tóm tắt là vậy.”

“Phải có LÀM mới NÊN việc PHẬT”.

“Thực hành” như thế nào đây, làm Lửa cách nào? – Khó nói ngay vạn quyển cũng chưa đủ. Thánh xưa nói:

“Không phân minh chứng Đạo Tiên.”

Đây nói “Hỏa Hậu” thiết là hai chữ HỒ HẤP- chỗ yếu của Hỏa Hậu phải kiếm trong “Chơn Túc”. Đây lại nói ngay ra rằng: “HÓA HẬU” chính thiết là Chơn Túc. Chơn túc là cái “Hô hấp của Chơn nhơn”, chẳng phải cái hô hấp của miệng mũi!

“Hỏa hậu tối bí”, chỗ diệu chẳng khá lấy một thể mà luận. Ở trong có công phu thứ tự, khá chẳng biện rõ đó sao? Có võ, có văn, chỉ hỏa, túc hỏa, v.v... Có rèn mới nên anh Thợ Rèn, biết bí mật của nước trui thép, biết cách thụt hơi thổi lửa... phải có cái “Học Rộng” và cái “Chuyên Môn” mới đủ. Học rộng thiếu chuyên môn là học để tiêu khiển, đi ăn cỗ nói khoác. Chuyên môn thiếu học thì làm vụng về, không đúng nguyên tắc, công thức, khó đến chỗ tuyệt vời của nghề nghiệp.

“Lửa cung LY nấu vàng cung KHẨM,
Lọc Âm Dương “hai tám thành Cân”.

Hòn còn nung nấu xác thân,
Nhưng không dính líu bụi trần vào TÂM.”

Cũng một lý ấy Lục Tổ kệ:

“Trước năng tàn mộc thủ Hỏa,
Ư nê định xuất Hồng Liên”

Biết thiêu cây lấy lửa, - Bùn lầy mà trở Hoa Sen. Đó là cách phân kim, lấy Thanh bỏ Trọc, nên Thánh lìa Phàm. (Phân kim lư nội thính lôi minh)

Thông thiên học, trong cuốn la voix du silence (tiếng nói của im lặng, Bản thể thanh tịnh của tự Tâm) có nói: “Dùng luồng Hoả Hậu để mở Huyệt bí yếu của cái PHÁCH” (Khí huyết, Liên trì) nhưng điều này rất nguy hiểm nếu Con Người chưa đào luyện xác phàm và cái VĨA bằng cách bỏ mọi tập quán xấu xa, về cách ăn uống, dùng những vật thực nhẹ nhàng tinh khiết (trường trai) và thay thế những tình cảm đê hèn bằng những đức tánh siêu thượng.
(ly dục lìa tham)

Cuốn Hathayoga- Pradipika có câu: “Luồng Hoả Hậu giải thoát cho các vị Cao Tăng và nó bắt buộc cho kẻ khờ dại làm tội mọi.” – Ý nói “Tam muội Chơn Hỏa” giúp người Chơn Tu biết diệu dụng nó để sáng lòng thấy Tánh, giải thoát khỏi ngục tù vô minh, kẻ mê muội bị Tà Hỏa là lửa nhơn dục sai khiến. Cũng là cái “Tâm Hỏa” ấy hết chỉ khác nhau chỗ dụng Tà hay Chánh mà có siêu-đọa.

Sở dĩ tôi trình bày nhiều là để phá mê, phá chấp mà thôi, chẳng có ý gì khác, mong Bạn hiểu cho!

Chơn lý tuyệt đối tối cao là “MỘT”
Đại Đạo, mỹ tạo ‘không HAI”.

Kẻ nào còn trong vòng nhơn ngã, còn nói người này là Mỹ, Trung, Hoa, người kia là Pháp, Đức, nọ là Ấn giáo, Hồi Giáo, kia là Thiên Chúa, Lão Giáo, phân biệt tốt xấu, lành dữ, phải quấy, cao thấp là chưa biết ĐẠO, chẳng rõ Cội nguồn, không thông Phật Pháp. Cứu cánh là MỘT, phương tiện rất nhiều, không nên lầm nhận.

Thật khó lòng mà phá tan thành kiến, khuynh hướng biệt lập, cố thủ, cố chấp óc độc tôn. Chỉ khi nào tiến đến trình độ “hiểu biết” sâu rộng, rõ đặng Bản nguyên duy nhất mới đến gần Đại Đồng Huynh Đệ và sự chia sẻ, thù hèm giữa tôn giáo này, tín ngưỡng nọ mới chấm dứt.

(Chánh Đạo)

Đường ngay có MỘT, không Hai,
Đường ngay từ thuở Thiên thai đến giờ.
Đây TA chỉ sơ sơ một ít,
Đặng biết chùng mục đích mà phăng.
Đạo là phẳng lặng trang bằng,
Dường như gió tạnh, Trời trăng đêm rằm.

(Thích Ca): Tây trúc dạy: Minh Tâm - Kiến Tánh,
(Lão Tử): Hám Quan Khuyên: Luyện Tánh - Tu Tâm.
(Khổng Tử): Lỗ Đông: Dưỡng Tánh - Tồn Tâm.
(Jêsus) Gia Tô: THƯỢNG ĐẾ tại Tâm chẳng rời.

(Chơn Như Tánh)

Tứ Đại Thánh một lời chẳng khác
Khác tại người xiêu lạc cãi canh.
Đường ngay chẳng thạo đã đành
Tâm sanh chường chường ma sanh khó gì

“Tìm Đại Đạo” phải suy cho lắm,
“Luyện Chơn Nguơn” phải gẫm cho cùng.
Con người chẳng sót mấy lông,
“Tịnh TÂM”, mình mới khỏi mong xiêu vời.
Người muốn rõ “Đạo Trời” huyền diệu,
Thì phải lo chánh yếu mà tìm.
Lo chi mẩn tãi huỳnh kim,
Dựng lâu, xây cát cho bìm sấn leo!
Mẹ sanh thành dưỡng dục Con cũng “Cái ấy”
Con trở về và nuôi mẹ cũng “Cái ấy”

(Mang vô số tên, được dùng vô số danh từ để gọi).

Câu thứ 8 đã được giải bày và kết thúc nơi đây.

Đến 24 tuổi Nghe kinh liền xét tỏ, bèn tìm đến Chùa Huỳnh Mai, v.v... (câu 9; 10, 11, 12 ở trước). Đây về sau nói một cá nhân có đủ “Linh Hồn và xác thịt”, giác ngộ tầm ĐẠO.

Linh Hồn là “Chủ Nhơn Ông” vốn của Trời.
Xác thân là “Nhà ở” do phụ mẫu sanh thành.

Vốn sẵn có một Linh Hồn được đào tạo như lai lịch đã giải bày, “có đi có về”, tuần hoàn tròn cuộc, gốc ngọn liền nhau, trong vòng Tiên thiên, không sa vào hồng trần ô trược, luôn luôn hoài bão cội căn thì việc tâm tu rất dễ dàng như cùi khô, đèn sẵn dầu hễ gặp lửa môi là cháy liền, được “truyền đăng” tức khắc sáng tỏ, nhờ nền tảng vững vàng, căn bản sẵn có, đó là bậc “Nguyên Nhân”.

‘Nghe ví dụ 10 người Nữ đồng trinh (Kinh Thánh): “Khi ấy, nước Thiên Đường sẽ giống như 10 người Nữ đồng trinh kia Cầm Đèn đi rước Chàng Rê. Trong các nàng đó, có 5 người dại (mê) và 5 người khôn (giác). Người dại khi cầm đèn đi thì không đem dầu theo cùng mình. (Song người khôn thì đem dầu theo trong bình của mình), vì chàng rê đến trễ, nên các nàng thấy đèn buồn ngủ và ngủ gục. Đến “Khuya” có tiếng kêu rằng “Kìa Chàng RÊ đến, hãy đi ra rước người!” Các Nữ đồng trinh bèn thức dậy cả, sửa soạn đèn mình. Các người dại nói với các người khôn rằng: Xin bớt dầu của các chị cho chúng tôi, vì đèn chúng tôi gần tắt.

Nhưng các người khôn đáp: Không! E chẳng đủ cho chúng tôi và các chị, thà các chị hãy đi đến người bán dầu mà mua. Song trong khi họ đang đi mua thì Chàng RÊ đến. Kẻ nào chực sẵn thì đi với Người cùng vào “tiệc cưới” và cửa đóng lại.

Chấp lâu, những người Nữ đồng trinh khác cũng đến và xin rằng: “Hỡi Chúa!” Xin mở cho chúng tôi. Nhưng Người đáp: “Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, Ta không biết các ngươi đâu”. Vậy hãy Tỉnh thức, vì các ngươi không biết ngày cũng không biết giờ’.

Chồng là CHÚA, vợ là TÔI cũng nói là Dương Âm, Nam Nữ, Thủy Hoả, Thần Khí, Định Huệ...

Tôi có người Chị (bà con) theo Đạo Tin Lành mỗi đêm khi thức giấc lật đặt bỏ tóc xoã, quỳ dưới đất, hai tay ôm trán, úp mặt vào thanh giường, lẳng lặng “chờ rước Chúa”! (chị thức hay mê, có khôn ngoan để dành dầu chẳng, khó biết đặng). Chớ tôi nghe nói: “Tinh khô, Khí cạn “Thần Linh” chẳng còn, mà e

ngại cho chị chẳng vào được “Tiệc cưới”, bị từ chối mở cửa nhập huê phòng và phải chịu “Cô đơn” đến ngày tận thế”.

“LỬA là CHÚA của sự gây dựng”. Thiếu nó là rớt vào Cô Âm ắt nên hình đá trông Chồng “Vọng phu” Muôn căn, ngàn dặn phải biết phép “LÀM LỬA” (Hành Pháp). Không có cách nào khác hơn để giúp mình về gốc cũ.

Đức CHÚA TRỜI đã tự xưng: “TA là LỬA, là THẦN”

LỬA:

Thấu đáo cội nguồn hẳn biết “TA”,
Thì mau quỳ gối lạy xưng “CHA”!
Càn Khôn Vũ trụ tay gây dựng!
Tâm thuộc Hòa Vạn vật muôn loài TẠO HÓA ra.
Ngày dạo thế gian tươi mặt Đất,
Đêm vào cung nguyệt rạng gương Nga.
Còn Xuân là Lão cùng vui ở,
Giận bỏ ra đi thấy đã Già.

Trường hợp của Huệ Năng (Lục Tổ), của Trần Huyền Trang (Tam Tạng) là đặc biệt, là đồng Chơn xuất gia, có sẵn một kho tàng quý báu thì việc đặng ĐẠO, nên Tổ, nên Thầy thì cầm chắc trong tay rồi.

Hai chữ Huệ Năng đã giải. Trần Huyền Trang có nghĩa là người “Trần” được “Trang” sức cái “Diệu Huyền” (Diệu Tánh). Nên phân biệt của quý báu THẬT thuộc Tinh Thần và của GIẢ thuộc Vật chất.

JÊSUS nói: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người Giàu vào nước Thiên Đường”. Có vị Chơn Tu nào xưng Phú Tạng chăng??? – Hễ phú thì không TẶNG là Vô Nhân! Thế mà cũng có kẻ đăng đàn thuyết Pháp lớn tiếng “Bản Tạng” mà tay quơ hột xoàn chớp nhoáng. Phải chi kim cương, nhà lầu, xe hơi do Tổ Phụ để lại hoặc tự tạo ra càng hay, làm được việc phi thường (Con Lạc Đà chui qua lỗ kim) và khỏi phải nói.

Ôi! Mía mai thay cho hạng Giả hình!

“LÃNH ĐẶNG CHƠN TRUYỀN (Y Bát)
ĐẠI SƯ QUAY VỀ PHƯƠNG NAM LÃNH ẮN”

“Chẳng có đi đâu xa hết”!

Gốc ở Lãnh Nam đến, thì trở vào Phương Nam, sống trong Thạch Động, nhập Thần thất (nhà Tâm), Cần cù niệm DI ĐÀ, làm cái việc Đạo Sư chỉ dạy, Tu trong nhà Kín, không tiếp xúc bên ngoài (ngoại cảnh), suy nghĩ Chơn Chánh, Thật Hành phải phép, ngâm mình trong dòng nước Thức Tâm ảo diệu, thuần chính khiết bạch, cố gắng sưu tầm, tạo “Hỏa Tiễn” phóng “phi thuyền” ra khỏi địa cầu về hoạt động ở cõi Hư Vô, làm nên nhà “Bác Học Huyền Bí”. (Science occulte). Sướng chưa? Vạn sự do TÂM tạo! Do Nó mà đến, nhờ Nó mà về. Chính Nó đày ta xuống hồng trần mà cũng nhờ chính Nó đưa ta về quê cũ. (Nội Tâm Hành Pháp)

(NAM PHƯƠNG BÌNH ĐÌNH HOẢ).

“Niệm DI ĐÀ” là niệm vào Chơn Như Diệu Tánh (phép vô niệm).

Phải tịnh độ vô vi giải nghĩa Lục tự Di Đà như sau:

(Thần, Lửa)... “**Nam** ấy Nam phương LỬA bình đình,
(Khí, Gió)... **Mô** là chỉ rõ vật vô hình.
(Tinh, nước)... **A** gồm nhâm thủy an nơi Thần!
(Hiệp nhưt Tam Bửu)..**Di** giữ chặt bền Ba Báu Linh
(Huệ) ... **Đà** sáng sắc vàng tròn khắp cả,
(Định) vóc Phật ... **Phật** hay thanh tịnh ở nơi Minh!

Hồng Diên hai tám hoà nên Một,
Rồng Cọp đem về tại Huyệt Tinh.

Đây là Vô Vi Chơn Niệm. Nhờ một sáu Định Hải Châu 108 hột (72 + 36 = 108) của “Nhiên Đẳng Cổ Phật” mà đắc cái bản thể thanh tịnh của Tự Tâm là nên Phật, là đến được

“Tịnh Độ Vô Vi” (Khẩu niệm là Giả, Tâm hành là Chơn)

Niệm đủ 36 vạn tiếng Lục tự như tôi đã thấy, có dạng A Di Đà Phật thọ ký, (có tròn hai chữ “Nam Mô” hay không, tôi không rõ), chớ đúng như trên thì cam đoan “Chắc ăn” vì đã có câu:

Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm,
Bất lao đàn chỉ đạo Tây Phương.

Trở về Sống với Nội Tâm, ắt dật lo bề Tự Giác, nhập Định Tham Thiên, Luyện ĐẠO, Luyện HỎA, v.v... Từ năm Tân Dậu đến Bình Tý là 16 năm đã đắc ĐẠO, được Tâm Ấn nên nói gặp Ấn Tông Thiên Sư (Tông là Tâm).

“Đừng chấp lời, hãy tìm LÝ!”

Chỗ “Giáp mỗi” của giờ, ngày, tháng, mùa, năm, dùng để chỉ việc “biến sanh”, thay đổi của máy tuần hoàn vận chuyển. Rốt Hợi đầu Tý “cuối tháng Chạp đầu tháng Giêng”, mông “8” giữa “1” và “16”, một cân Âm Dương, trắng tròn, “Chơn Khí Thuần Dương”, trong lòng xuất hiện

“Quan Âm Bồ Tát” (nhục thân Bồ Tát), rõ thấu được cái lẽ nhiệm màu do Huệ Tâm Trực giác. Nói Rằm chớ thật đúng giờ Tý đêm rằm là khởi đầu

“16 trăng mới tròn đầy”.

“NGÀY RẪM XUỐNG TÓC ĐẠI SU”

“Là Chú Tiêu” đầu chừa “Ba Vá”, (phân ba) “nên Đại Su” phải gọt láng bon. (Thuần nhứt).

Miếng “Tâm Điền” được làm cỏ sạch trơn, thuần tịnh khiết bạch, nhờ tu luyện đúng phép mà nên. Bộ óc (đầu) gội rửa sạch trong.

Lục Tổ dạy:

Đản y thử tu dữ Ngô đồng xứ vô biệt

Bất tác thử tu “Thí phát xuất gia u đạo, Hà ích?

Làm đặng việc Phật, đắc “Tâm Không” là Chơn Hành.

Lần Lục chuyển, tam điều Bất Động,

Tâm Vô Vi trống lỗng căn cơ

Bụi trần không thể đóng nhơ,

Linh đơn “Hai Phẩm” giựt cờ Thánh Tiên.

Luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí thuần DƯƠNG gọi là Hai phẩm đơn.

Trước kia đã nói 6 năm sanh Đại Sư, đủ 3 Âm, 3 Dương (3+3=6) đến Lục chuyển. Đây nói 16 năm, chỉ một cân Đại được, đồng một Lý. Tinh đầy khí đủ, đặng cái máy định, Tâm Không (bất nhiễm). Đừng chấp ở ngày Trời, không cứ mấy năm công phu, đến đây thì ra mặt (xuất động) làm cái việc “Chơn độ chúng sanh”.

(nhóm khắp tứ chúng)

Như thử thanh tịnh tiệm nhập Chơn Đạo

Ký nhập Chơn Đạo danh vi Đắc Đạo

Tuy danh đắc đạo thiệt vô sở đắc

Vi “Hĩa Chúng sanh” danh vi Đắc Đạo

“Năng ngộ chi dã khả truyền Thánh Đạo”

(Thanh tịnh kinh)

Tuy là đặng đạo nhưng thiệt chưa chỗ đặng. Phải tận độ chúng sanh của lòng mình mới thật hoàn toàn đặng đạo vì đến đây mới được hai phẩm đơn, mới nên “Thái Âm” (Phật Bà), còn trong vòng ta bà, còn tròn khuyết. Dùng Khí Thuần Dương điền hoá “Ngươn Thần” đến Thần Thuần Dương nên Phật Tổ (Thái Dương), đã ba phẩm đơn cũng gọi là

“Cửu chuyển hườn đơn” (Thành Đạo).

Việc Hóa chúng sanh này rất nặng nhọc, phải làm trọn kiếp vì còn một vọng niệm là còn nguy hiểm! Há chẳng cố Gắng sao?

Tháng 2 ngày mồng 8 nhóm các vị danh đức... 2 x 8 = 16 lập
Giải Đàn (Hội Thánh, Phật Hội, Đàn Tiên).

Gom vào Tâm 1 Đại Sư, 5 vị Đại Đức: (Nhứt HOA Ngũ Diệp)
Trí, Huệ, Thông, Kỳ, Mật: (Ngũ KHÍ Triều Nguyên)

“Giải Đàn này” gốc (nguyên) ... gốc Xưa lắm, từ mở mang
Trời Đất. MỘT sanh BA (Câu na bạc đà la Tam Tạng) đến có
Đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang Trung Nguyên, giống Bồ Đề
được trồng bởi Trí Dược Tam Tạng từ Tây Quốc. “TRÍ
DƯỢC”= Trí Huệ được dùng làm “Thuốc” chữa phong trần
bệnh (phiền não). TAM TẠNG = Thượng dược TAM PHẨM,
Thần giữ Khí, Tinh...

Thuốc hay vị bổ Thuần Dương,
Đem ra mà độ người đương Lợi Quyền.

(Lập Giải Đàn: Xây dựng “Nền Tâm”)
(Cát Chù: gầy dựng “Nhà Tâm”)
(“Phật”: là “Linh Quang Tánh”)

Trong mỗi người đều có giải đàn này, chỉ vì nhân loại đã hoá
nó thành chỗ “buôn bán và cướp giựt” nên phải mắc bệnh trầm
kha bất trị.

Chẳng nói tại “Trung Quốc” mà nói ở “Địa trung hải” cũng
được. Còn Trời Đất, còn người thì chỗ đó có thể xuất sinh
Nhục thân Bồ Tát, chắc chắn như vậy, khỏi cần phải tiên tri
mấy trăm năm, mấy ngàn năm hết. “Nói khắc bia đá” có nghĩa
lời này mãi mãi không sai giá.

“Từ Nhâm Ngọ” đến Bính “Tý” (175 năm)” lời tiên đoán ứng
hiện “Ngọ Tý”, ám chỉ Nam Bắc giao thông, Thủy Hoả ký tề,
Bồ Tát ra đời, Thiên cơ ứng nghiệm.

9- Đến đây “Đại Sư xuống tóc” thọ giải rồi liền cùng tứ chúng
mở bày ý nhiệm đơn truyền, đều y như lời hai bài sấm trước.

10- Qua năm sau, mùa xuân, Đại Sư từ già tứ chúng mà về
chùa “Bửu Lâm” thì sư Ấn Tông cùng kẻ tăng đưa đi trốn hơn
ngàn người thẳng đến Tào Khê.

11- Thuở ấy “đất Kinh châu” thầy “Thông Ứng” luật sư cùng
bọn môn đồ cả vài trăm người đều nương theo ở với Đại Sư.
Sư đến Tào Khê vào chùa Bửu Lâm xem lại bề thế chật hẹp
không đủ dung nạp tăng chúng, nên muốn mở rộng ra bên đến
ra mất người “chủ đất” trong làng đó tên là Trần Á Tiên mà
rằng: “Hôm nay Lão Tăng đến nhà thí chủ xin một chỗ đất để
vừa đủ cái toạ cụ đặng chăng? (Dời chỗ ở)

12- Á Tiên bạch rằng: Toạ cụ của Hoà Thượng rộng ước bao
nhiêu?

Tổ sư đưa toạ cụ ra coi thì Á Tiên “vung chịu liền”.

Tổ bèn lấy toạ cụ trải ra trùm “Bốn cõi Tào Khê”, lại có bốn vị
Thiên Vương “hiện thân” ra ngồi trấn bốn phương.

15- Á Tiên bạch rằng: “Mới biết Hoà Thượng pháp lực rộng
lớn, nhưng vì “phần mộ ông bà” của tôi đều nằm trong “đất
ấy”. Vậy ngày sau có tạo tháp, cầu xin chừa lại các ngôi mộ đó,
còn bao nhiêu, tình nguyện cúng hết, đời đời làm nơi Bửu
Phường.

16- Nhưng chỗ đất này là chỗ “Sanh Long, Bạch Tượng” đến kết mạch, chỉ nên Bình Thiên, không nên Bình Địa. Sau khi chùa ấy sửa sang, đều y như lời hứa trước.

17- Một hôm tổ đạo chơi trong cảnh ấy, gặp chỗ nào “non nước” tốt đẹp thì Ngài liền dừng chân nghỉ ngơi, mấy chỗ đó bèn thành ra chỗ “lan nhã”, cộng là 1-3 chỗ, nay gọi là “Hoa quả viên”, ghi số đều “thuộc của Chùa”.

Giải:

Khởi đầu làm việc Phật là lập “Giải Đàn”, dựng nền Nhân, “Luyện kỹ trúc cơ”, Hiệp nhứt Tam giáo Ngũ chi, Quy Tam Bửu Ngũ Hành, Tam quy Ngũ Giải, v.v....(một lý)- Nhờ “Khí Thuần DUƠNG” lòng được thanh tịnh, nền tảng vững vàng, năm sau mùa xuân, “Hóa Thần dời về Thượng Đỉnh” (Chùa Bửu Lâm: Rừng Báu) lập nền tảng mới tại Thượng Điện.

TRẦN Á TIÊN CÔNG HIẾN “ĐẤT ẤY”

Chẳng có người xin, người cho nào hết, không nên làm mà sa vào bẫy rập! Cái Chùa Bửu Lâm, cái kho tàng quý báu ấy “xưa vốn của Ta”. Từ lúc Tiểu Linh Quang tách rời Đại Khối để hạ trần, “Ngôi Tiên” bị người “trần” thay thế, tiếm vị (Trần Á Tiên). Vì vậy “bảo vật” biến thành Mò Ma ô trược. Nay Ta trở về đất cũ vườn xưa, lấy lại quyền “Chủ non ông”, cho người Chủ Tạm ra rìa, sửa sang cái quy mô cho tốt đẹp, rộng lớn hơn, cao thượng hơn, hiệp với Thiện Tâm, loại đường Nhon dục cũng nói xây dựng Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài cho Lạc thơ trở lại Hà Đồ, Càn Khôn hoá tượng. (xem Tây Du chỗ Tôn Ngộ Không trở về Hoa quả Sơn đuổi Hỗn thế Ma Vương)

Tôi đã định nghĩa như trên, nếu đồng loại thấy tôi đi xin tiền, đất, vật dụng chi chi để làm nhà Dưỡng Lão, trại tế bần, Chẩn y, cô nhi viện thì nên tiếp rước nồng nhiệt. Trái lại thấy tôi mang bộ mặt này với danh nghĩa Thánh Thần Tiên Phật để lạc quyền, không dám đánh đập cho mất lòng nhân ái thì cũng rải gạo muối tống khứ lập tức, chẳng cho tôi có phút để rỉ tai lời ngon ngọt mà mê hoặc lợi dụng.

Tôi rất đau lòng mà không chối cãi được với câu “Tôn giáo là món thuốc để đầu độc non loại” của phái Duy vật.

Dùng để cho lời đó có giá trị bởi việc làm phi lý và không bỏ ích chi cho phần Hồn. (TÂM)

Cái Tọa cụ là vật để ngồi Thiên như cái nệm có là bao lâm song cái “dụng cụ thiết” để tham thiền rất lớn, gồm cả bốn cõi Tào Khê, tất cả ở một châu thân, một vũ trụ. Miếng đất ấy là mồ chôn tổ phụ của họ “Trần”, nay dùng cho việc Phật thì nên để Mò Ma nằm yên (trừ ma vọng Tâm) bồi đắp cao lên (Bình thiên) không nên san bằng thấp xuống (Bình địa) (Hiệp thiên bội địa). Phải chấp nhận điều ấy thì ”Sanh Long Bạch Tượng kết mạch”.

Ở trần là Ma gia tứ tướng, về Trời là Tứ Thiên Vương gác bốn cửa: (Mắt, Tai, Miệng, Mũi). Với phàm phu chúng là bốn Chúa yêu (Tứ Hầu hồn thể trong Tây Du) mở Từ Lộ, với Thánh Nhon là Bốn Tướng Trời bảo vệ Sanh Môn.

Đạo một vòng trong cảnh ấy (Châu thiên) phải có đi, có đứng. Đứng hoài không đi, đi hoài không đứng là không biết

thường thức cái tốt đẹp thiên nhiên của Chơn Lạc. Đây là giang sơn của Tề Thiên: Hoa Hỏa Sơn, Thủy Liêm Động.

16- Còn chùa Bửu Lâm cũ ấy, nguyên đời trước của ông Trí Dược Tam Tạng bên Tây Quốc từ Nam Hải sang qua cửa Tào Khê mức nước mà uống, mùi thơm ngọt lạ thường, bèn gọi Đồ đệ mà rằng: “Khí vị nước này sánh lại với bên Tây Thiên trước chẳng khác chút nào, trên dòng khe này chắc có Địa mạch rất tốt nên làm một cảnh lan nhã, bèn theo dòng nước tìm đến nguồn, xem thấy mặt, “non nước doanh xây”, “đâu non châu dục”, bèn khen rằng: “cảnh này mừng tượng như hòn núi Bửu Lâm bên Tây Thiên.

Lại có cư dân trong làng Tào Hầu mà rằng: “Núi này nên dựng một “cảnh Chùa” về sau 175 năm sẽ có một vị Vô thượng pháp bửu diễn hĩa nơi chùa này, kẻ đắc Đạo nhiều như rừng, nên hiệu chùa là Bửu Lâm.

17- Thuở ấy có quan mục Triều Châu là Hầu Kính Trung lấy cả mấy lời tiên tri đó dâng biểu tâu vua. Vua y theo lời thỉnh cầu sắc tứ biên ngạch là Bửu Lâm, bèn dựng nên cung điện Phật là đầu hết, kẻ từ đời “Luơng”, niên hiệu “Thiên Giám” năm thứ 3. (Bắt đầu từ 3 trở về 1)

Chùa Bửu Lâm như Giải Đàn nói trước cũng của vị Thần Y Biến Thước Trí Dược Tam Tạng bên Tây Quốc từ Nam Hải qua cửa Tào Khê “Thủy nghịch lưu” nơi chứa Cam Lô, Bồ Đào Tiên Tửu, ai ai cũng có, Đông Tây giống nhau, chẳng khác chút nào. “Theo dòng nước mà tìm nguồn”. (đi ngược lên cao) nói lên non tìm thuốc, về núi tu luyện là đây!

“Chớ nên ẩn núp núi xa,
Xưa nay các Đạo hiểu ra rất lắm!
Đạo đâu? Đạo ở nơi Tâm,
Thì đâu có phải kiếm tầm đâu xa”.

Một vị Đại Sư diễn hóa một đời mà kẻ đắc đạo nhiều như rừng, khó có được nói Chùa Bửu Lâm là “kho báu” vô tận thì có lý.

(Nên hiểu lẽ CHƠN độ, GIẢ độ chúng sanh!) đúng Thiên Lý thì Thiên Tử (Trời con) chấp thuận. (Hợp Pháp)

18- Trước đền có một sở đầm, “Rồng” hằng khi “lặng mịch” trong đó, rúng động cả rừng cây. Một bữa nọ hiện hình lên rất lớn, sóng nổi sôi trào, mây mù tối mịt, các đồ chúng đều sợ hãi. Tổ nạt rằng: Mày chỉ biết hiện hình lớn chớ chẳng biết hiện lại hình nhỏ, nếu là con “Thần Long” thì hãy biến hoá, nhỏ hiện ra lớn, lớn hiện ra nhỏ vậy! Tổ nói rồi thì rồng thoát lặng giây phút hiện lại hình nhỏ rồi “nhảy khỏi mặt đầm”. Tổ dở “Bình Bát” thử đó mà rằng: (Mây đâu dám chun vào bình bát của Lão Tăng này).

Vừa dứt lời, rồng hớn hờ bơi đến trước mặt Tổ. Tổ lấy bình bát hứng rồng, rồng chẳng vùng vẫy đặng. Tổ bung bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe. Rồng liền cõ xác mà thăng mất. Bộ xương dài cỡ bảy tấc, đầu đuôi, sừng cẳng đủ cả, còn lưu truyền tại chùa. Sau tổ khiến lấy đất, đá lấp cái đầm ấy, cái đầm ấy tức nay trước mặt điện về phía tả chỗ có cái tháp bằng sắt để trấn đó! (Bộ cốt rồng thất lạc mất).

“tướng diệt, tính tồn”

(Đừng có nghĩ đây là “Thần thông”, phép lạ!)

Trước chùa có Ao Sen (Liên Trì), đầm chứa Rồng. (Long đàm)

Trong chỗ thanh trực hỗn hợp, mọc lên Giồng cư trần bất nhiễm trần. Trong sở Đàm có Rồng ẩn hiện. Rồng là vật Thần thoạt đặt ra ám chỉ “Khí” năng biến hoá, làm Mây, làm Mưa v.v...

Đoạn này trước kia đã giải nhưng đây với lối trình bày ngôn ngữ khác hơn nên phải bổ túc để thấy được chỗ đồng nhứt lý.

Trước bày “Giả” để sau thấy phép biến ra “Chơn Long” (Chơn Khí Dương Tinh). Tại sao “Rồng ấy hung hăng làm Rung động cả rừng cây”, tại sao nó hiện hình rất lớn, sóng nổi sôi trào, mây mù tối mịt làm cho “đồ chúng sợ hãi”, trái lại Đại Sư khinh thường, chỉ dùng phép mọn là thâu phục nó ngay? – Muốn được một Tinh Thần Điem Đạm, bất úy như các bậc Thánh nhơn, trước phải biết “Nguyên nhân” khiến cho Lòng ta xao động, sợ sệt.

Có GIÓ mới phát sanh SÓNG. Biết phép Ngừng gió thì biển lòng Sóng lặng. Ai uống được Định Phong Đơn thì lâu ngày sẽ có râu Định Hải Châu của Nhiên Đăng Cô Phật.

Trong tâm ta gồm có hai phần: Tâm Tánh cũng nói Tâm Thần, Tâm Khí. (Khinh khí - Nguyên tử)

Cái Nguồn gốc của “Bất tịnh” là phần ÂM là cái “Khí”, nó là Nguyên động lực của niệm lự. Không có “Thần” kèm chế, phần “Âm” ấy khác nào gái Không Chồng, mặc tình đi dọc đi ngang, tự do nhiễm trước, phóng ra ngoài chịu tất cả ảnh hưởng, chạy theo mọi sự vật tiếp xúc với nó, đứng với câu: “Nữ bất giá như Tư diêm phạm thủ” (con tư diêm như con dê cái ai sờ đầu là nó chạy theo người ấy liền). Nhờ sức “Sinh hoạt” (Khí lực) bên trong làm động lực cho cơ thể, các bộ phận mới hoạt động được, bằng không nó chỉ là cái máy chết, tất cả

đều hoá ra vô dụng (hữu thể vô dụng). Nó làm trung gian môi giới giữa Tinh Thần và vật chất. Thiên về vật chất thì bị vật hoá, về Tinh Thần thì Thần Hĩa.

Giờ Chơn Khí Dương Tinh phát sanh ắt chạy nơi ngoài để sanh: thấy, nghe, ngửi, nếm, sanh tư tưởng, hành động, dâm dục v.v... khi nó ra ngoài là lối cuốn Thần trí chạy theo để tiếp xúc với Ngoại cảnh, vì thế mới sanh “Cảm giác”.

Muốn “Tự Chủ” thì thần trí phải “Chế trị cảm giác” và điều khiển nó theo ý muốn của mình, bằng để cảm giác sai khiến thì sức sinh hoạt thịnh, tinh thần bị lấn áp, ta chỉ sống một cuộc đời của con động vật thôi. Phải Luyện Trí để chế ngự Tinh cảm gọi là luyện “Hồn chế Phách”, THẦN điều khiển KHÍ.

“Bát Giải” phải phục tùng “Hành Giả” thì mới nên công, bằng làm trái, chịu ý muốn của Bát Giải, xua đuổi hành giả thì Vọng Niệm sanh gọi là bị Yêu cản lộ.

Sở dĩ “Lòng ta xao động”, không được thanh tịnh là tại cái Khí (rồng) phát sanh, lia căn cội, sanh gió sóng, làm rối trật tự, mất sự Điều Hĩa, sanh ra Đối Lập, chẳng còn giữ được Bản thể thanh tịnh của Tự Tâm.

Người tu đơn luyện kỹ (Đại Sư) biết được phép Cầm giữ, kèm chế cái “Khí phát sanh” ấy (thâu và phục Rồng) đem nó trở về bồi bổ cái “Nguyên Khí” không cho hao tán, giữ gìn “khí lực” cho tròn đầy (Thuần Dương).

Tâm KHÍ không xao động,
Tâm THẦN được yên tịnh.

Nhờ “Đương Tinh” bồi bổ, Ngươn Khí được sung thiêm đến chừng “Tinh đầy khí đủ” thì Thân Khí được cái Máy Định, xuất hiện “Tánh Chơn Thường” (điềm đạm) vậy mới là đặc Chơn Pháp.

Muốn đến chỗ chí thiện, kiến Chơn Như Diệu Tánh, điềm đạm hạnh kiểm thì phải rõ thông phép “KHÍ CÔNG” (công phu luyện Khí), trị bệnh phong trần ngay nguồn gốc mới kham sáng lòng thấy tánh.

(Minh Tâm Kiến Tánh)

Tập trung tư tưởng vào một vật thể để tham thiên- Ché ngự đề nén tư tưởng- Xiềng xích buộc trói con Khí lao chao vào cột trụ duy nhứt để không cho nó leo chuyễn và dùng vô số phương tiện khác để mong làm chủ Cảm giác, giành quyền tự chủ đều hoài công, khác nào dùng sức mạnh ghì đầu tướng cướp, cậy phép Thần thông xỏ mũi yêu tinh, không cỡi tà quy chánh tận đáy lòng nó được: Cướp vẫn là cướp, Yêu vẫn hườn yêu, nó chỉ nằm yên trong nhứt thời, chờ có cơ hội tốt là quất khởi và đánh bại ta. Cái “Âm Khí” tiềm tàng trong nội Tâm, ta phải biến thành “Đương Khí” thì mới mong có kết quả tốt và chắc chắn, ngoài ra là bàn môn, tà pháp, ngoại Đạo mà thôi, chỉ có kết quả chốc lát rồi đầu vẫn hoàn đầu, yêu tinh xuất đầu lộ diện như thường, không bao giờ được Tự Tĩnh, Tự Định để thực hiện cái phép “Chơn Tĩnh”.

Mỗi Tế Bào là một cá nhân, một chúng sanh có đặc tánh của nó. Như thế trong người ta, trong Tiểu Thiên Địa ấy có vô số chúng sanh mà ta phải cải tạo cho hết gọi là Độ tận chúng sanh

của lòng mình. Nói cách khác là phải luyện tiêu phần âm mới Thuần Dương mà “thành Tiên tác Phật”.

Đã nói vô số thì làm sao độ cho tận được”? Chả khó gì! Vô số do Một mà sanh. Hàng phục được con Chúa yêu thì Tiểu yêu nương đó biến mất.

Nghe đây: Có một lần xem chớp bóng chuyện Tây Du, thấy Tam Tạng và hai học trò là Bác Giải, Sa Tăng đều bị Chúa Yêu bắt trói trong động, Tôn Hành Giả tận lực đánh yêu để cứu Thầy và hai sư đệ. Giết chết vô số tiểu yêu nhưng không trừ dứt gốc được, đũa này chết, đũa khác xuất hiện; từ dưới đất chui lên vô cùng vô tận. Kiệt sức mà không thành công, Hành Giả phải nhờ đến Quan Âm Bồ Tát trừ Chúa yêu, giải thoát Thầy trò Tam Tạng. Đoàn thỉnh kinh mới tiếp tục sứ mạng của mình được.

Chúa yêu là Âm Khí. Quan Âm Bồ Tát là Chơn Khí Thuần Dương, gọi Khí Chơn Dương. – Bạn thấy rõ nếu không nhờ đến sức của Dương Khí (Phật Bà) thì trông gì lấy ý chí để đè bẹp vọng niệm phát sanh, Cảm giác đột khởi để lòng không xao động và đem lại sự Chơn Thường điềm đạm được. Yêu Tinh từ đất chui lên là nói từ trong Tâm địa xuất phát kia mà!

Có ích gì ra sức làm cỏ mà không bứng Gốc rễ nó?

(Đây là chơn lý cứu khổ cứu nạn của Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát)

Nói chuyện ĐẠO lời trao cận kề,
Dạ vô tư thì lễ tận tường.

Thuốc hay” vị bồ Thuần Dương,
 Dem ra mà độ người đương Lợi Quyền.

Đồ chúng là “sãi tục” chưa làm được việc Phật, chưa biết
 thâm và phục khí, thấy cuồng phong dấy lên thì biết yêu đến
 làm thịt, không có Thiết bảng, chẳng chút Thần thông, không
 sợ sao được?

Đại sư là “Sãi Thánh”, là Đấng Christ thì đã làm chủ Gió và
 Biển, con Giao Long làm gì cục cựa nổi? Lèo lái vững vàng,
 đông êm sóng lặng, chẳng bị ngạn như trở bàn tay.

Dùng Lửa thiêu đáy nồi (Rồng biển nhỏ) nó nhảy lên khỏi
 mặt nước (hơi nước bay lên) thâm vào Bình Bát (nồi chứa hơi)
 “Khí huyết”.

Thuyết pháp (chưng nấu) hơi rược bay lên ông dẫn hơi (Tào
 Khê) còn lại cặn bã là hèm (cốt rồng).

(Thực hành chơn pháp, luyện tinh hoá khí.....)
 “Khinh thanh” Thượng phù) SEN
 “Trọng trực” Hạ ngưng) BÙN

“Rõ ràng như vậy”. Bạn có nghe nói: Phi thăng, phi giáng,
 khoá hạc thừa long, đăng vân giá võ, bạn thích và muốn thường
 thức cuộc vân du Thượng giới ấy lắm chứ? Làm đăng công phu
 trên thì việc đó là trò chơi thường ngày của bạn.

“Đến đây đã là Bồ Tát, là Đại Tiên rồi. Tuy nhiên chưa phải
 là hoàn tất! Mới nửa đường, phải còn nhiều nặng nhọc nữa.
 Như trước kia đã nói: “Tuy danh đức Đạo thiệt vô sở đắc”.

Mới nên con nên trò mà thôi!

Đây mới là cái “Sáng” của mặt trăng tròn, “Chúa ban đêm”,
 (Thái Âm) cái thụ hưởng của Cha, của Thầy gọi đến, còn trong
 vòng ta bà, còn tròn khuyết, sanh diệt vô thường mặc dù đã
 “Sáng”, cái sáng của Âm Thần. (Huệ)

Phải muôn ngàn khó nhọc nữa để biến Thái Âm (huệ) thành
 Thái Dương (trí), luyện, “Thần Thuần Dương” siêu xuất tam
 giới, khỏi luật tương đối, đạt đặng cái Tự Hữu Hằng Hữu
 (Chơn thường) cùng Cha nên Một; đồng nhứt với Bản nguyên.
 (Đủ đầy Trí Huệ nên Một Tánh- Tứ Bất Nhã)

Trong kinh Thánh, Jean Baptiste (Bồ Tát) nói: “TA rửa tội
 bằng nước, người đến sau TA, rửa tội bằng Lửa.

TA không đáng xách giày cho người. (Phật)

Sanh Jean Baptiste “Thánh Jean rửa tội”. Đến trước sửa soạn
 chức vụ Đấng Christ (Như Lai Phật Tánh) = Nhờ Khí Thuần
 Dương mà sáng lòng, chuẩn bị để Hóa Thần. (Lửa)

“Nhành dương quét sạch bợn thân,
 Cam lồ tắm gội bụi trần tiêu tan”.

“Hóa Thần” (Dương khí hóa Thần) đến “Thần thuần
 Dương”, chẳng còn phân Âm, nói rửa tội bằng Lửa (Dương
 Thần) nên Phật Tổ, Lão Tổ (Hồng Quân). Đến đây hoàn toàn
 “Thành Đạo”: đủ ba phẩm đơn, Thần huồn Hư, huồn Vô, trọn
 tứ thiên, chẳng còn tu luyện, Thiển Định gì nữa. “Hột giống
 sanh tử đã tiêu diệt”.

Người Tham thiền và việc Tham thiền là Một. Tôi thường lấy kinh Thánh để nói là muốn lấp lún cái hố sâu phân cách Đông Tây, phá mê, phá chấp cho thấy được sự đồng nhất Chơn Lý, tránh tai hại gây nên bởi sự HIỂU LẦM kinh sách. Chớ chi ai ai cũng hiểu được “Jean Baptiste là Thánh rửa tội bằng Nước Thánh, sửa soạn cho Thần thể Tánh (Christ) đến sau rửa tội bằng Lửa” không khác với “Quan Âm Bồ Tát” gội rửa bợn lòng bằng Cam lộ thủy, chuẩn bị cho việc Hóa Thần để Sáng Lòng bằng Thần thuần dương cũng như Nữ đồng trinh dành dầu để rước CHÚA đến với Luyện Khí Hóa Thân là “một việc trong Tâm Linh giới” chẳng khác, thì đâu còn phân Nhon, Ngã đâu còn độc tôn, biệt lập! Có dịp tốt, tôi sẽ trình bày một ít trường hợp điển hình để thấy rõ hơn.

Người tu đến bậc này phải cố gắng nhiều hơn trước bội phần vì lẽ Đạo cao Ma cao. Chẳng phải dùng sức mạnh của ý chí như trước mà phải dùng Thần thông phép tắc, cuộc chiến đấu giữa Sãi Thánh và yêu tinh (Tây Du), giữa Xiển Triệt (Phong Thần).

Đến đây là xong phận sự Học sinh, đã nên Thí Sinh, phải chịu một cuộc khảo duyệt, thử thách rùng rợn ghê hồn, phải dục vào cuộc chiến đấu trường kỳ gọi Phong Thần hay là Long Hoa Hội (trong cõi lòng). Phải hạ nốt Phàm Tâm, phải gay go lắm với sức chống cự của bầy tôi Vua Trụ. Đạt Mạ Tổ Sư gọi là “Khử Tà Bàn” (Bàn môn tả đạo lẫn lộn trong lòng).

Tổ Sư lấy đất đá lấp cái đầm là về sau làm xong việc “Đem Khám lấp Ly về Ngôi cũ”, luyện tiêu phần âm, độ tận chúng sanh, (Nữ Hoa luyện Đá vá Trời)!

Như ta đã thấy cái KHÍ (pháp) ấy Lợi Hại lắm. Quyền năng rộng lớn vô cùng: Sáng tạo- Huỷ diệt, Sanh Sát, vừa vây hãm vừa giải thoát. Nó là thứ vi trùng vừa chống bệnh tật vừa sanh bệnh tật, là thuốc Tiên đồng thời là Độc dược cũng là Huỳnh

trương Tiên tửu mà là Rượu sắc men tình. Do Nó tất cả: hư nên, còn mất, siêu đọa đều là Mi. Muốn làm Tiên Phật phải khiến Nó nên Chơn Chủng (Hạt Tâm) mà chẳng nên để Nó hóa Chủng sanh chủng (Hạt Nhân) – Vì thế người trau Đạo, tạo Phật bắt buộc phải làm cái việc khó nhứt là “Tuyệt Dục”.

Tôi kể vài câu chuyện:

I/- Có người bạn đã trên 50 tuổi, có Chức sắc Thiên phong, mang danh hiệu Thiên mạng đến hỏi tôi: (Bấy lâu, tôi theo cơ Phổ độ, nay muốn tiến lên cơ Đại Thừa đôn giáo, vậy phải làm thế nào?

Đáp: Phải trường trai.

Tôi trường trai lâu rồi!

Tốt lắm! Nhưng chưa đủ! Nói thẳng, không sợ mịch lòng: thi Voi, Khi cũng chạy lạc vậy! Có câu: “Uổng ngật mê trai nan liễu ĐẠO, Không đồ xướng niệm ĐẠO vô thành”. Phải Hành Đạo.

Thì tôi đã Hành Đạo!

Hành Đạo như bạn theo đuổi bấy lâu là làm việc cho Hữu Hình cơ Đạo gọi là Tôn giáo, khác hẳn với Vô Vi Đại Đạo.

Phải trở về nội Tâm, trau dồi Thiên Mạng.

Thầy đã ban cho tôi là Thiên Mạng rồi!

Thiên Mạng ấy là giả danh, không có Thực Chất. Đã trường trai còn phải thêm một điều kiện trọng yếu nữa để bảo vệ Chơn chủng hầu gây dựng cái “CHƠN Thiên Mạng” là phải “Tuyệt dục” Với vẻ hã hùng, đôi mắt chớp lạch, anh gằn mạnh: Tuyệt dục hả?

Dạ phải. Nhứt định như vậy!

Sau vài chuyện qua loa, ông bạn từ giã, bước nhanh, không buồn ngó lại, trong bụng thì thầm:

“Ngán bấy Tây Phương đường vôi vọi,
Hỏi nào “chứa nếp nhịp thềm xôi?”

2/- Một hôm có vị Mục Sư đến khuyến dụ tôi theo Tôn giáo của ông, cho rằng tôi thờ “Đạo Cao Đài” là lầm đường lạc lối. Câu chuyện dài dòng lắm. Tôi chỉ tóm tắt chỗ bí yếu.

Tôi nói: “Thưa ông, loài người có nhiều trình độ tiến hóa, mỗi dân tộc đều có “đặc tánh” của nó nên giáo lý phải có “nhiều hình thức” để thỏa mãn chớ tất cả đều là con chung của Đấng Tạo Hóa, đồng một cơ thể, Linh Tánh như nhau.

Cơ Tạo có một thì Đạo không Hai.

Mỗi người đều có Trời con (Emmanuel), có Phật tánh nơi lòng, hình hài tuy khác, Phật tánh hay Christ vẫn đồng. (Vô vi nội tâm.

Mục Sư: Không đồng! Christ sanh ở Palestine, Phật ra đời tại Ấn Độ! (Hữu tướng) ngoại cảnh!

Tôi nói: Thưa ông: “Cũng là cơ đốc giáo, tôi thấy mấy Ông Cha thì không vợ con, sao Mục Sư lại có con, có vợ”.

Mục Sư: Chúa cho phép “cưới gã trong Đạo” với nhau, cấm không cho lấy vợ chồng ngoại đạo.

Tôi nói: Hay lắm! Đúng lắm! Theo tôi hiểu thì “gã cưới trong Đạo” là trong cõi lòng, trong Tinh Thần, Tiên Đồng Ngọc Nữ hòa hiệp nhau theo “Thiên Đạo”, còn nam nữ phạm tục lấy nhau là ngoại đạo thuộc “thế gian chi đạo”, trái ý Chúa. Nếu làm thế e phạm vào lời quả trách của Christ: “Sao các người đem con Trai đổi lấy Đi, bán con Gái đổi lấy Rượu để uống, nghĩa là để thỏa mãn nhục dục, kẻ “ngoại đạo” đã huỷ hoại “con trai, con gái loài người”. (Chơn âm, Chơn dương)

Mục Sư: Anh nói vậy, sao tôi thấy Hòa Thượng của nhà Phật có vợ con, còn anh là Học đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng vậy?

Tôi nói: Dạ thưa ông: Hòa Hiệp theo ĐẠO là Hòa THUỘNG, vào Thiên đường, hòa hiệp theo đời là Hòa HẠ, nhập địa ngục, ý Trời, ý người trái hẳn. Muốn Hiệp giác bội trần hay ngược lại tùy ý. Ông cũng vậy mà hòa thượng kia cũng vậy. – Còn riêng tôi trước kia mê muội, chưa biết Thượng Đế, biết Phật nên thuận chịu theo nhơn dục. Sau Giác ngộ, nhận được sự Nghịch Thiên, phản Chúa của tôi và thấy trong kinh Thánh có câu:

(Có kẻ Hoạn từ trong bụng mẹ,
Có kẻ Hoạn bởi tay loài người).

Nhưng có kẻ “Tự mình” làm nên hoạn vì có nước Thiên đường, nên tôi tin thọ phụng hành “Tự mình làm nên Hoạn”, mặc dù mang tiếng mang Bâu mà không Nhậu nhẹt”. Còn ông sao bỏ qua lời dạy quý báu ấy? Ông không lại cái từ trong bụng mẹ, không bị ai thiên mà cũng không tự mình làm nên hoạn vì có nước Thiên đường để nên “Mục Sư thật sự”, hay là “trái cây Cẩm rất ngon, nghe lời con Rắn cám dỗ, làm trái ý Chúa Trời, bị đuổi ra khỏi vườn Êden và tản lạc trong hồng trần khổ hải, vô phương trở lại Đào nguyên, Động phủ.

Suy tư kỹ càng bạn thấy chư Thánh nhơn đều như nhau, dạy phải làm cái việc khó nhứt đời để bảo vệ “Nhơn Sâm, Bàn Đào” nếu muốn Trường sanh bất tử!

26- Tổ có một Viên Đá trị yêu, chạm 8 chữ: “Long Sóc Nguyên niên, Lư Cư Sĩ Chí”. Đá ấy trước để tại Viện Đông Thiên, chùa Hoàng Mai. Đến đời Minh (HUỆ), niên hiệu Gia Tĩnh (ĐỊNH) có người hoạn quan ở Việt trung tới Hoàng Mai thỉnh đem về Tào Khê. Nay hãy còn.

Nói khác nhưng đồng một lý với trước. Đá trị yêu cũng gọi “Đá hóa vàng”. (Tinh hóa Khí- “Rồng trong ao” – Vàng cung

Khâm). Cục Kim chuyên trong tay Huê Quan, Kim Cô Bàng của Tôn Hành Giả, trụ dần đáy biển (Định Hải). Nhờ nó mà đánh yêu trừ Vọng Niệm.

Phải là “Hoạn Quan” mới thỉnh được cái Trung Hữu ấy.

Câu 27, 28, 29, 30 không ngoài Lý trên, miễn chép lại.

Tới đây đã dứt sự tích sơ lược ký của Đại Sư. Nói sơ lược chớ rất đầy đủ lịch trình tác Phật của một nguyên nhân trau Đạo.

Đây về trước thuộc về Thực Hành theo Vô Tự Chơn Kinh. Về sau nói một cá nhân đắc đạo dùng Hữu tự kinh để giảng dạy, bên trong tự độ, bên ngoài giác tha.

Mỗi người chúng ta được ban cho một hình hài đủ các cơ quan tốt đẹp có thể giúp ta thực hiện Đức Thượng Đế, chẳng lợi dụng được nó về mục đích Thiêng liêng cao cả để cho tàn tạ và bị phá hoại theo thời gian thì ô hô một cuộc đời ‘Rỗng tuếch’.

Những cái cao siêu không phải ai ai cũng quan niệm và thực hành trọn vẹn nổi nhưng đành cam chịu khoanh tay phó mặc cho định mạng sử linh, cho sở dục sai khiến sao?

Muốn sanh tồn, sống tự do hạnh phúc phải nỗ lực hoạt động, cố gắng thắng tất cả trở lực, chướng ngại. “Loài người xưa kia bị cầm chân trong đất liền. Nó có khuất phục dưới sự giám thị chặt chẽ, khó vượt nổi của tên “Cai Ngục” (phong ba) găm thét như sấm, thường xuyên canh gác bờ đại dương chẳng?

Không! Nó suy tư và “thuyền tàu” đã mang nó qua bên kia bờ của lục địa khác. Lhomme était retenu oaus le continent par l’ oecar.

(S’est-il résigné à’ implacable surveillance du “Géolier mugissant”, en sentinelle sur le rivage? Non! Il a pensé et le “Navire” l’a porté sur la rive d’un autre hémisphère.)

Muốn vượt qua ái hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba để

thoát cái định luật luân hồi chặt chẽ mà còn tiếc rẻ cuộc đời, chẳng dám lập chí xung thiên, rán bỏ cái điều rất khó bỏ, làm cái việc rất khó làm thì tâm chí yếu hèn, thế nào có được chỗ đứng trên con đường tìm Thượng Đế.

Cười xòa khách tục muốn tầm Tiên,
Cũng muốn say sưa cũng muốn quyền!

Thịt cá ê hề, thê thiếp đủ,
Muốn giàu, muốn tước, muốn Thần Tiên.

Bao nhiêu phát minh vĩ đại ngày nay từ đâu có được, phải chăng trên trời rớt xuống? Quả thật do Trí loài người, do các nhà bác học, cần cù suy nghĩ trong thí nghiệm thất ngày này qua ngày khác, đời nọ đến đời kia, trải nhiều khó nhọc, bao lần thất bại, dần dần tiến đến chỗ “thành công thiên mỹ”. Người thật hành “khoa học huyền bí” cũng vậy. Phải đào tạo Tinh Thần trí tuệ để nhờ nó làm Bát Nhã Thoàn đấng bĩ ngạn.

(Đóng thuyền Noê để tránh Đại Hồng Thủy).

Có nhiều người vừa bước chân vào đạo đã muốn có Thần thông phép tắc để khoe khoang với đời, cầu được đưa lên đài vinh quang hầu hưởng hạnh phúc về danh lợi. Họ đâu có biết rằng những thần thông phép tắc ấy vẫn là sở hữu của mình một khi tự khai mở được những quyền năng cao thượng theo đúng nguyên tắc khoa học.

Nặng mang xác thịt lại làm tưởng là Chơn ngã, muốn nó biến hoá, hô phong hoán vũ, sai đạu thành binh, trừ yêu trị quỷ.

Ồi! Thật là mơ mộng hão huyền, muốn có được Qui- mao, thê giác.

“Phi lý, phản khoa học!”

Tu hành mà còn vọng tưởng như thế thật là mâu thuẫn, dù có được phép tắc đi nữa cũng không thoát ngoài vòng luân hồi

sanh tử vì kẻ nào “kém phần đức hạnh” mà được phép tác sẽ gây nhiều tai hại cho muôn loài.

Những người tâm tánh còn thấp kém mới ao ước những phép lạ, còn nhà “Chơn Tu” chỉ yêu cầu có một việc là được Đồng Nhứt với Cội Nguồn.

Còn tham vọng là “còn đắm chìm” vì tham vọng là nguồn gốc của đau khổ. Bậc hiền nhân chuyên tu “Tánh Mạng”, lúc nào cũng nghĩ đến chuyện phóng thích tâm trí ra khỏi tham vọng.

“Giải thoát ra khỏi tham vọng, đó mới là TU”! bao giờ chưa hàng phục được nó thì chưa có thể có hạnh phúc, an lạc, thanh tịnh để kiến thiết xây dựng, sáng tạo. Phải bắt đầu tự “Hiểu Minh” thật kỹ càng để hiểu rộng vũ trụ bao la, thế gian man mác mà trong ấy mình là “một phần tử”, một đơn vị. Ta tự biết mình là một phận sự lớn lao nhứt mà cũng gay cần nhứt. Nếu ta không rõ các “nguyên động lực của ta”, các ý định của ta, các yếu tố đã un đúc, cấu tạo ta xưa nay, giá như ta không am hiểu các tư niệm thâm kín của ta thì ta làm thế nào có đủ năng lực để xác định những mối quan hệ giữa ta với vũ trụ, nhân chúng?

Muốn thấu triệt cái, “nguyên động lực” của mình, muốn am hiểu tường tận những thị hiếu, sở vọng này kia của chúng ta tất nhiên phải chăm chú kích thiết vào “tâm tư” không hề gián đoạn. Chúng ta cần phải “gác lại một bên” tất cả các tôn giáo có đặc tánh riêng biệt và tự mình “Trạch pháp thù thắng” phát kiến lấy Lý Chân Như (Đạo, Thượng Đế, Phật...)

Một mai thân này tan rã mà chẳng làm được nên đức hạnh gì lúc sinh thời thì không phải là đáng ân hận lắm ru?

Trong khi nghiên cứu mình, khảo sát mình tức là chúng ta mở đường cho “Ánh Sáng” và trật tự hiện ra. MINH TÂM KIẾN TÁNH là một việc khó vô cùng và nếu ta không tự hiểu

mình, không suy nghĩ đúng mức, rất xác đáng, thì cái cứu cánh “Thực tại”, cái tối chung “Thực Hữu” không tài gì mà Hiểu được!

Muốn liễu đạt Bản thể thanh tịnh của Tự Tâm thì cần phải dứt bỏ rốt ráo của vọng tình, kiên trinh bền chí, cơ mẫn thông minh, tinh nhuệ sắc sảo. Chẳng có ai là người có thể giám định tinh thông chắc chắn vấn đề Tâm Tính của bạn. Chính bạn phải gánh lấy nhiệm vụ phát minh cái “Chánh tri kiến” của bạn và “tự giải thoát” chớ chẳng ai có thể cứu độ bạn ra khỏi vô minh, hôn mê hắc ám, phiền não luỵ tiết chướng ngại.

Bạn là người đã tạo ra khổ sở phiền muộn cho mình thì chỉ có bạn là “Vị cứu tinh hộ mạng” cho bạn thôi! Có tự mình sáng suốt và liễu đạt bản thể của tự tâm thì mới phát kiến nổi “ĐỊNH và HUỆ”.

“Điều viên thuần chơn cao cả” chỉ ứng hiện lúc nào “TÂM” hoàn toàn mình mẫn, đạị định, chớ không phải khi nó loạn động theo dục cấu sở vọng. Chừng nào cái tham vọng điên đảo kia tức là “nguyên nhân” của vô minh và đau khổ của chúng ta không được giải nghĩa cùng thâm và “tiêu tán” thì tình trạng “tương đối” vẫn còn tiếp tục mãi, dù có nỗ lực thoát ly cũng vô ích, không khéo, lại còn chìm đắm thêm trong “ác tận” như kẻ gặp phải sa lầy, càng vùng vằng xuẩn động chừng nào lại “càng lún sâu” xuống chừng nấy.

“Tham vọng” ấy thường biểu lộ ‘trong thú nhục dục’, trong lòng quyến luyến theo thế tục trào lưu, trong ý niệm muốn lưu danh thiên cổ, trong chức quyền thế lực, trong bí mưu mật kế, trong các chuyện hoang đường Thiêng Thiêng kỳ diệu, mầu nhiệm phi thường.

Trong thời kỳ mà tinh thần còn là “Lợi khí” cho “Ngã tướng” hay “phương tiện” cho tham vọng thì vẫn còn “đối tánh” và xung đột

(bất điều hòa).

Một Tinh Thần như thế không tài nào đốn ngộ được cái “Bất khả lượng”. Nếu chúng ta thám sát thâm viển tính tham vọng bằng cách “trâm mặc ngẫm nghĩ tới nó”, bằng cách “tri giác cái ý nghĩa thâm thúy tốt cùng của nó” để vượt hẳn nó đi, tức thời có một “tính năng” mới mẻ, khác lạ hiện ra để giác tính chúng ta vì tính đó không phải do tham vọng hay các năng sở đối lập khi sinh. Nhờ tính minh mẫn ấy (Bản Giác) vô số các tầng lớp của “Thức Tâm” mới bộc lộ ra và được giải nghĩa cùng thâm.

Có liễu đạt bản thể thanh tịnh của tự tâm, mới “Chánh tư duy”, thấy rõ “Chơn Tánh, giải thoát tâm trí ra khỏi tham vọng và vô lượng phiền não hắc ám trái ngược. Muốn hiểu mình, chúng ta phải nhận thức “tất cả cái gì đương trái qua bên trong chúng ta” và muốn nghiên cứu mình, Tâm trí cần phải được vận dụng “chăm rãi” thông thả. Các bạn cần phải điềm tĩnh thanh tịnh và tâm trí có thanh tịnh, tĩnh mạch thì “Tuệ tính mới khai sinh”. (Trích Hiền Chơn phá vọng)

Dọn gai gốc tầm ra “Đường Sáng”

Vệt mây mù lố rạng “Trời xanh”.

Tự tôi, chẳng bao giờ dám mạo hiểm “đề xướng ra” một chủ thuyết, một hành vi, một phương thức nào. Tôi luôn luôn trích lục các triết lý vi diệu của các bậc Thánh Nhân, Tiên giác và lập lại cho các bạn nghe, chiêm nghiệm và suy tư rồi phán đoán lấy. Tôi chỉ làm nhiệm vụ “Thông dịch viên của Đạo Lý” nào thôi.

Kinh sách đã có nhiều, chất lại thành non, chỉ cần tìm hiểu cho đúng Chơn Lý là đủ. Tôi thấy biết bao nhiêu tai hại lớn lao gây nên bởi sự “hiểu lầm kinh sách”.

(Thế nên, trải qua các thời đại, các “Giáo lý cao siêu” thường bị “canh cải” vì có lắm vị tu hành thật tâm muốn tâm chơn lý nhưng ban sơ thiếu kinh nghiệm, kiến thức còn eo hẹp lại cố

gắng hạn định Chơn giá trị của sự hiểu biết (Chơn tri) trong giới hạn của một “Giáo Lý tầm thường” cho đến ngày sự kinh nghiệm vượt đến chỗ cao thâm quyền bí, các vị đó tự nhận sự sai lầm trước kia nhưng than ôi! Vì lẽ bị ràng buộc trong khuôn khổ tôn giáo do mình đề xướng ra hoặc vì lẽ khó giảng cho quần chúng một “Chơn Lý vi diệu” nên các vị đó buộc lòng đánh chữ Hàm thịnh).

Có lắm trường hợp cãi canh, chinh lý đã gây chia rẽ trầm trọng đến đổ máu, chết chóc hằng vạn sinh mạng. Cũng có lắm sự hiểu lầm giết chết bao nhiêu linh hồn do tu hành không đúng cách.

Lầm lạc mà riêng hại cho mình đã là đáng tiếc một kiếp sanh quý báu hưởng hồ vui chôn đại đa số tin đồ do mình làm thủ lãnh, đã không công mà còn ghê gớm thay cho phần trách nhiệm to tát ấy?

Đời đã cho ta rõ: “Những giáo lý giống như những vật sanh ra rồi chết, những nghi thức tế lễ, thờ phượng được tạo thành rồi biến mất theo thời gian, những môn phái choán một thời đại rồi bị loại ra ngoài sâu khấu của cuộc đời, (chịu luật biến thiên) song ở trên cả chúng nó có “Tiên Thiên Đại Đạo” (Sagesse antique) vẫn nguyên vẹn (bất biến) một khi con người đem nó ra gọt bỏ những lớp vỏ văn hoa mà người đời đã luống công tô điềm bên ngoài cốt để phô bày nó cho rình rang.

Vị Đệ tử (Đại Đạo) nhớ rằng Con Người lập ra lễ bái, giáo lý, môn phái chớ không phải chúng nó tạo ra cho con người!

Người đã đắc đạo không cần tôn giáo nhưng vẫn nương theo tôn giáo để giúp đỡ tin đồ và dẫn dắt quần sinh từ sông mê đến bờ giác.

(La voix du silence)

Không nên làm những Cứu Cánh và phương tiện!

Cần phải thông suốt. Thông mà không suốt thì khó tránh sai lầm!

Trong trung dung nơi chương 20 có nói về Đức Tri: “Bác học chi, thâm vấn chi, thậm tư chi, minh biện chi, Đốc Hành Chi”. Nghĩa là học cho rộng, hỏi cho rõ, nghĩ cho kỹ, phân biện cho rành, Dốc lòng làm theo.

Học cho rộng để hội thông đạo lý,
Hỏi cho rõ để quyết điều nghi ngờ,
Nghĩ cho kỹ để rõ lẽ Chánh tà,
Biện cho rành để phá sự sai lầm.

Đó là những việc của đức tri của hạng Học tri để Trạch Thiện.

Linh hồn nào còn ham hưởng hạnh phúc ở cõi đời Vật chất và lầm tưởng cho là hạnh phúc Chân thật của Chơn Ngã thì chưa thể hiệp nhứt với Chơn Ngã được. Muốn được vậy người phải dẹp bỏ mọi vui thích ở cõi đời và chỉ tìm hạnh phúc trong sự “hiệp nhứt” ấy mà thôi.

Linh Hồn không nên nhìn đời sống này là đời sống của nó và nên hiểu rằng nó là Chủ Nhơn ông, có phận sự chế ngự những thể của nó (tôi tớ).

Ở đây, Đức Aryatanga khuyên ta đừng quan tâm đến cái Nhộng, hay lâu đài ảo tưởng hoặc mọi hình thức bề ngoài của mọi vật.

Linh Hồn nên “lãnh đạm hoàn toàn” đối với tất cả những “hình dạng ấy” trước sự hân hoan hay khổ não mà những hình dạng ấy có thể đem đến cho nó, hoặc có thể cảm nhiễm nó. Nếu chưa thoát ly khỏi các trạng thái ảo huyền và mê ly ấy, linh hồn còn thuộc về cõi đời vật chất (Mê Hồn) và lẽ dĩ nhiên chưa sẵn sàng để ném hương vị thâm thúy của sự tự do “Hoàn toàn giải thoát”.

Trước sự tang thương đời đời, những éo le thâm thiết của cõi

đời, linh hồn phải đeo đuổi không ngừng sức tấn hoá huyền bí của mình, đừng lo nghĩ đến chúng nó.

“Ta” chớ nên đồng hoá mình với “Phàm Nhơn”, dầu nó xinh đẹp đến đâu. Ta phải làm chủ nó và dùng nó như những “dụng cụ” để tấn hoá nơi cõi đời. Có thể nào phàm nhơn mong cầu được sự trường sanh bất tử hoặc lẩn trốn khỏi sự tàn phá của thời gian. Nó phải được hữu dụng và thích ứng với mục đích Thiêng Liêng trong thời gian sanh tồn cho đến ngày nó hư hoại.

(1-Ta là Chơn Ngã- cái Ta Chơn Nhơn -Chơn Tánh (Hồn Tiên)

(2-Phàm nhơn là giả ngã – phàm tánh tư tâm (xác tục)

Tất cả sanh vật đều có hai Bản Chất:

Hình dạng cấu tạo bằng vật chất và
Tâm thức tổ chức hình dạng.

Sự chết chỉ chạm đến hình hài vật chất mà thôi. “Tâm thức” làm cho hình hài được vững chắc, nó trường tồn mãi sau khi hình dạng tan rã.

“Bản Tánh” của nó luôn luôn ở nơi “Thượng Đế”. (La voix du silence) (thụ bẩm ư thiên)

Theo dõi từ đầu chí cuối, hẳn bạn đã mỏi mệt, hãy rung đùi ngâm nga Thánh giáo sau đây, thả hồn theo giọng du dương trầm bổng cho thoải mái đôi khấc.

Cầu đàn tại Hội Thánh Dương Đông (Phú Quốc) đêm 14 tháng 03 năm Đinh Mùi. (Chúa nhật, 23 Avril 1967)

Năm Đinh Mùi tháng ba, mười bốn,
Hội Đạo Đồng ở chôn Dương Đông.
Nhứt tâm hoài niệm Bóng Hồng
Sáng soi vũ trụ trong vòng tang thương

Trên mặt biển, Bờm trương thập thoảng
 Giữa lung Trời, cánh nhọn tung bay
 Ôi! Non sông, đẹp đẽ thay!
 Tranh kia ai hoạ, cảnh này ai tô?
 Dựa ven gành nhấp nhô “cần hạc”
 Cuối triền non thành thót giọt châu
 Phải chăng Khương Tử ngồi câu!
 Hay là Sào Phủ đuổi trâu trên dòng.
 Nhịp vó kị, Tái Ông đắc thất
 Tiếng chày kinh, nhà Phật thu không
 Trăm năm gẫm khéo bận lòng
 Rủi may âu cũng sắc không đó là
 “Lửa” phiền cháy, Ma Ha rưới tắt
 “Nước” triều dâng, Thuyền Bát sẵn chờ
 Tiên Ông có bộ Thiên thơ
 Ai nhờ sứ mạng huyền cơ mở màn?
 Học phải hiểu rành tàng Hư Thiệt
 Hành cần tri bí quyết nhiệm màu
 Con đường Đạo Lý cao sâu
 Cứu nhơn cứu vật trong bầu trần gian
 Tài Nghiêu Thuấn trị an thiên hạ
 Đức Trọng Ni chứng quả Thánh nhơn
 Là do “nhứt quán lý Chơn”
 Lập đời trị quốc, giáo dân thái bình
 Nào phải cậy phù linh phép lạ
 Có màng chi hoá võ hô phong
 Văn Vương cầm tội “vẽ vòng”
 Phải chăng Lý Đạo ở trong lòng người?
 Đồng Linh Tánh Đất Trời ban phú
 Cũng Hình Hải Phụ Mẫu sở sinh
 Người xưa có khác chi mình

Phật, Tiên, Thần, Thánh trong hình phàm phu
 Muốn đắc quả cần tu Chánh Đạo
 Muốn độ đời hoài bảo Chánh Tâm
 Xét xem cơ chỉ chớ lầm
 Làm người cho vẹn mới tầm vị ngôi
 Đại Linh Quang giống Trời ban xuống
 Tiểu Linh Quang kết chường hoá sinh
 Càn Khôn tóm một thân hình
 Chuyển luân Thuận Nghịch vận hành tường tri
 Hằng nói: Đạo, vô vi, vô tướng
 Lại vô hình, vô tượng vô danh
 “Hữu Vô” Lý Đạo suy rành
 Mới mong thấu triệt máy linh nhiệm màu
 Cơ sanh dục hoá bao Trời Đất
 Ở Đất Trời phân đặt tượng hình
 Chờ che khắp cả vạn linh
 Ấy là “Hình” Đạo dưỡng sinh muôn loài
 Bóng Nhựt Nguyệt vắn xoay ngày tháng
 Tiếng sấm vang mưa thuận gió hòa
 Một Hàn một Thử lại qua
 Đó thiết “Tình” Đạo chan hoà nhơn gian
 Nam chỗ đặt ngôi Càn, Dương vị
 Nữ gọi là Khôn, Lý Âm Dương
 Cảm giao biến hoá khôn lường
 Phải chăng “Danh” Đạo biểu dương nhiệm màu
 Luận Vô Hữu cao sâu huyền bí
 Tim Hữu Vô yếu lý thậm thâm
 “Chủ Nhơn Ông” thử kiểm tầm
 Cho thông chỗ Hữu, khỏi làm chỗ Vô
 Đuốc Chơn Lý viễn đồ soi sáng
 Ngọn “Tâm Đăng” chói rạng Bản nguyên

Thiên đình có Phật- Thánh- Tiên
 Đều do hạt giống như duyên cõi trần
 Linh hồn mượn xác thân ẩn trú
 Xác thân cần phụ mẫu dưỡng nuôi
 Tâm ân ví tựa Đất Trời
 Ngọn rau tấc đất trên đời nặng mang
 Đó là Hữu trong toàn vũ trụ
 Còn lý Vô là thú tuần hoàn
 Khuyến người học hiểu căn duyên
 Thực hành Lý Đạo lập trường tu thân
 Lý Đạo vốn muôn phần sáng tỏ
 Bạch Ngọc Kinh “một ngõ” đi về
 Độ đời nhờ Đạo giác mê
 Đạo không tư kỷ không vì cá nhân
 Lập Hội Thánh tinh thần cao cả
 Dựng Nền Nhân công quả dạn dày
 Việt Nam lịch sử hậu lai
 Công phu lớn nhỏ trong ngoài Đạo Tâm
 Bảng Cao Đài ngàn năm rạng rỡ
 Cõi Dương Đông muôn thuở thái bình
 Ban ơn cậy có huyền linh
 Cho đoàn dân chúng trong tình thương yêu
 Giữa canh thâm tố nhiều “Tâm sự”
 Chúc “Chư Hiền” một chữ “thành công”
 “Chư đệ tử”, hưởng ân hồng
 Nhớ lời Thầy dặn hợp đồng lo tu.

Ngô Đại Tiên
 Rằm tháng 06 năm Mậu Thân (10/07/1969)

Đàn Kinh
 Đông Độ Thiên Tông Lục Tổ HUỆ NĂNG
 Đại Sư nói Pháp. Môn Nhơn Pháp Hải chép ra.

Phẩm Tự Tự
 Thứ nhất

I-TỰ TỰ

1- “Thuở ấy” Đại sư đến chùa “Bửu Lâm”, có quan Thứ sử Thiều Châu họ Vi tên Cừ cùng các quan liêu vào chùa thỉnh Đại Sư về trong thành, nơi giảng đường tại chùa Đại Phạm, vì đại chúng mở duyên thuyết Pháp.

2- Đại Sư lên ngôi “Pháp tọa”, thời quan Thứ sử cùng các quan liêu trên ba mươi người, còn Tăng ni, Đạo tục thì trên ngàn người đồng làm lễ cầu nghe những lời Pháp yếu.

3- Đại Sư bảo chúng như rằng: “Này các thiện tri thức! Bồ Đề Tánh Minh vốn thiệt Thanh Tịnh, những dùng lòng ấy hẳn được Thành Phật.

4- Các thiện tri thức! Hãy nghe công chuyện của Huệ Năng này và cái sự ý đặc Pháp.

5- Xưa kia Nghiêm Phụ của Huệ Năng này Bồn quán ở đất Phạm Dương, sau bị Lưu về xứ Lãnh Nam tại Tân Châu làm người Bá Tánh.

6- Xuất thân đã chẳng may, cha lại mất sớm còn một mẹ già, dòi ở núi Nam Hải, khổ nhọc nghèo thiếu, Ta hằng Bán củi.

7- Thuở ấy có một người Khách mua củi, bảo Ta đem củi đến tiệm. Khách đã thu nhận, Huệ Năng này lãnh tiền rồi bèn bước ra Ngoài cửa, vừa thấy một người Khách kia Tụng Kinh.

8- Huệ Năng này xảy nghe lời Kinh Ngữ, tâm liền khởi ngộ bèn hỏi khách ấy tụng kinh chi?

9- Khách ấy đáp rằng: (Tụng kinh Kim Cang!)

10- Ta lại hỏi: Người ở đâu đến đây trì tụng kinh này?

11- Khách lại rằng: Ta từ Kỳ Châu, huyện Hoàng Mai, chùa Đông Thiên đến đây. Chùa ấy thiết là của Ngũ Tổ Nhẫn Đại Sư ngài ở nơi ấy làm chủ sư giáo hoá, môn nhơn của ngài trên Ngàn người.

12- Ta đến đó lễ bái xin thọ trì kinh này. Ngài thương khuyên kẻ tăng người tục đều phải trì tụng kinh Kim Cang, ắt mình thấy Tánh, hẳn được thành Phật.

13- Huệ Năng này nghe nói mới biết buổi trước ta vẫn có duyên lành. Lại mong ơn một người khách kia lấy bạc mười lượng cho Ta để sung vào việc ăn mặc của Lão Mẫu Ta và dạy ta tìm qua Hoàng Mai ra mắt Ngũ Tổ.

14- Huệ Năng này an trí cho Lão Mẫu rồi liền từ giã, trải qua ba mươi dư ngày vừa đến Hoàng Mai đánh lễ Ngũ Tổ.

Giải: ĐÀN KINH là PHÁP BỬU vô giá. Quả thật tự tự Châu cơ, ngôn ngôn kim ngọc. Rõ ràng thay! Âm thất chi cô đặng, mê tân chi Bửu phiệt.

Người đời khác nào kẻ lạc loài trong rừng sâu đêm tối, chợt thấy đặng một “Ánh Sáng” lập loè còn chi vui sướng hơn? Chẳng dám chớp mắt, bươn bả nhắm ngay bước đến, bao nhiêu chướng ngại trên lộ trình, dù gay go cách mấy cũng chẳng quản, “cổ vượt qua tất cả để đến “mục tiêu” vì chắc chắn được cứu khi đến chỗ nhắm ấy.

“Nhứt tâm hoài niệm Bồng Hồng,
Sáng soi vũ trụ trong vòng Tang thương.”

Xem ĐÀN KINH không nên bỏ sót một chữ, một câu nào. Mỗi mỗi đều có “án ý cao siêu màu nhiệm”. phải tìm hiểu cho đúng Lý Đại Thừa đừng để sa vào quan niệm thấp hèn mà sai thất Pháp Ý.

Là Thiện tri thức cũng chưa có thể phát minh nổi Diệu Lý.

Cần nhờ đến bậc “Đại Thiện Tri Thức”, là đáng muôn phép đều thông, muôn phép gồm đủ, không một phép khá đặng, ấy là bậc đắc Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, đã Trục Giác.

Một đại Triết gia có nói: “Các ngài cũng dư hiểu tánh cách sai khác, dị đồng giữa lối “Suy Luận Thâm Huyền Tự Tại (chánh tư duy) với cái trảng ý niệm (tư tưởng) dù đúng đắn hay ho cho mấy đi nữa trong sự bày bố cấu tạo của nó nhưng bao giờ cũng bị chi phối trước hết bởi cái Pháp Thức (thức thần) trói buộc, câu thúc nên vì thế nó không sáng tác được theo sự thật thuần nhiên. (Chơn Lý)

Một cái thuộc về Thật Trí của Trí Huệ (Chơn Tri) xuất sinh từ nơi “Liễu tri Tánh”.

Một lối thuộc về tư tưởng theo tình cảm (Pháp thức), bị chi phối, trói buộc, phải thiên lệch. Tư tưởng, ý kiến bị thiên lệch không thể nào được bảo đảm là Đúng.

Đừng làm tưởng kẻ Học rộng là Đại tri thức, Học Lục và Trí Lục khác nhau rất xa. - Kẻ phạm phu thủ trước, đang còn trong vòng vọng chấp, lúc nào cũng ngoan cố, liêu lĩnh, đến như người có trí thức uyên bác, thông thạo cũng kiến chấp, vọng chấp, vô minh ngu muội như ai.

Lục Tổ có học rộng đâu? Nhưng nhờ có Thật Trí của trí huệ mà tổ được Chơn Lý Tuyệt Đối.

Cái Đại trí của Bộ óc xác thịt là Giả Trí. Phải phân biệt cho rành.

“Học phải hiểu hành tàng Hư Thiệt,
Hành cần tri Bí Quyết nhiệm màu.
Con đường Đạo Lý cao sâu,
Cứu nhơn cứu vật trong bầu trần gian”.

Phẩm này nói lý do và sự ý Đặc Pháp của Huệ Năng Lục Tổ. Không nên nghĩ rằng đây là tiểu sử, sự tích riêng biệt của Tổ Sư mà là chung cho tất cả người trau Đạo.

Tín đồ thì rất nhiều, số ngàn mà Học đồ chỉ trên 30, Môn đồ cũng vậy. Lộ đồ trải qua để đến Ngũ Tổ cũng trên 30 ngày . . . Nếu nói số đầu là 1 thì số rốt để trở lại là 10, 100, 1000 . . . Nói số 3 thì số rốt để trở lại là 30, 300, 3000 v.v... Số Một, số Ba là số màu nhiệm của Đạo. Nên nhớ đây là Vô Vi Đại Đạo, đường lối chung của muôn loài.

Xưa kia Nghiêm Phụ

“Cha nay” là cha riêng mà cha Xưa là Đại Từ Phụ của tất cả.

“Bồn Quán” là Quê xưa, chỗ Bồn Lai diện mục đều là Một, là Phạm Dương. “bị giáng chức lưu đày về xứ Lãnh Nam” . . .

“Bị tuột ngôi” từ đất Nóng (Dương) xuống đất Lạnh tại trần gian, đất mới (Tân Châu) làm người Phạm tục (Bá tánh).

Xác thịt sanh ra, “Tinh Thần” bị chôn chặt vào vật thể như ngọn đèn bị chụp trong cái thùng, không biểu hiện, phát huy nổi (Cha chết sớm).

“Lia căn cội bị đọa xuống hồng trần”.

Bạn thấy rõ con đường ra đi là Một, là Chung cho tất cả. Đó là việc chằng May (Đọa, Lia Quê) Cha lại mất sớm còn một Mẹ già. Hễ Linh Hồn hạ trần để tiến hoá thì như vậy cả, dù song thân còn đủ hay chết hết, còn cha mất mẹ; còn mẹ mất cha “của xác thịt” không thuộc về Chơn Tướng.

“Dời ở Núi Nam Hải”, bị đảo lộn Núi hoá biển, tang điền thương hải, cao xuống thấp. – Khổ nhọc, nghèo thiếu.

Dầu là phú hữu tứ hải như Đế Vương cũng chịu chung một số phận là thiếu thốn nghèo nàn về Tinh Thần, phải ra chợ bán củi để mưu sinh, tìm lại sự sống.

Vì vậy phải cần tu khổ luyện để bồi bổ cái khuyết, cây sức Thiếu Dương nuôi nắng Lão âm như trước kia đã giải: (Con nuôi Mẹ).

Đây là việc “Chủ Quan”. Phải nhờ tiền của Khách mua củi, phải nghe người Khách tụng kinh để tỏ ngộ là điều kiện “Khách Quan” cho hiệp nội ngoại chi Đạo (ngoại được, nội được).

Trì tụng kinh Kim Cang để Thấy Tánh, theo lời dạy của Ngũ Tổ là làm cái việc lấy Bạch Kim (Platine) trong cung Khảm, chớ chẳng phải tụng kinh hữu tự bằng miệng, hao khí lực (tồn pháp) ra mắt Diêm Vương thay vì Thấy Phật. Người Mê miệng niệm, kẻ Trí lòng làm.

Nhờ ngoại được (Khách) giúp Bạch Kim, an trí Đức Mẹ (Trúc cơ) xong mới lên đường xây dựng, sáng tạo nhà Tổ cho Phật ngự cũng gọi xây Vô Bông Tháp thỉnh Xá Lợi đem về cho Minh Tâm Kiến Tánh lập Lư Bông rước Ngươn Thi Thiên Tôn.

Tôi nhắc lại tây du nói “Lưu Bá Khâm” là người cứu Tam Tạng khỏi ác thú sát hại tại Lưỡng giới sơn, ngày sau đưa qua ranh phàm, sang đất Phật để thọ nhận Ngộ Không và Ông Tiều giúp chỉ đường cho Hành Giả gặp Bồ Đề Tổ Sư, đều Mất Cha Còn Mẹ là Lý trên, đối với Đạo đều vậy.

Khi nghe Ông Tiều Ca Tiên, hành giả ngào vô xin học. Ông nói: Tôi là kẻ mất cha còn Mẹ già phải lo nuôi dưỡng, đã nghèo khổ, không tiền mua rượu uống (Tinh Thần kiệt quệ) làm sao làm Tiên?

Hành Giả nói: Ông không là Tiên sao miệng lại nói được lời Tiên ngữ?

Tôi học lóm của Học trò “Bồ Đề Tổ Sư” ở trong động gần đây và ngâm nga tiêu khiển vậy thôi, nào dè ông nghe và làm nhận như thế.v.v...

Thật là té nhị, đầy ý nghĩa. (Chim Anh võ nói tiếng người không làm được việc của người). Con đường tầm Tiên phải khởi đầu mượn giả để tìm thiệt, nương Hữu về Vô.

Trước nói “Hữu tác” người không thấy
Chừng đến “Vô Vi” chúng mới hay
Chỉnh lấy vô vi làm yếu diệu
Nào dè Hữu tác thiệt căn ky (cơ)

15- Tổ hỏi rằng: “Ngươi ở Phương nào, muốn Cầu việc chi?”

16- Huệ Năng này bạch: (Đệ tử thiệt ở Lãnh Nam, là người Bá Tánh Đất Tân Châu, từ phương xa đến yết lễ Thầy “chỉ cầu Làm Phật”, chớ chẳng cầu việc chi khác nữa.”

17- Tổ nói: Ngươi là người Lãnh Nam, lại thuộc về dòng Lạp Lão (mọi rợ) há kham làm Phật được sao?

18- Huệ Năng này thưa rằng: Ngươi, có chia Nam Bắc, “Phật Tánh” vốn không phân Nam Bắc, cái thân Lạp lão này với Hoà Thượng “chẳng đồng”, nhưng Phật Tánh “không sai khác”.

19- Ngũ Tổ còn muốn cùng Ta nói nữa, chợt thấy đồ chúng nhóm ở 2 bên tả hữu, bèn khiến Huệ Năng này theo chúng mà làm công việc.

20- Huệ Năng này còn nán lại thưa rằng: “Huệ Năng này xin bạch cùng Hoà Thượng: “Tự Tâm đệ tử hằng “sanh trí huệ”, chẳng lia Tánh mình, hẳn thiết là phước điền, vậy chưa rõ hoà thượng dạy làm việc chi”.

21- Tổ rằng: Kẻ lạp lão kia, căn tánh “Rất Lợi”, người chớ nói nữa, hãy đi ra Mã tào, đường sau.

22- Huệ Năng này lui gót đến hậu viện, có một người Hành Giả (người tu) sai Huệ Năng này Bửa củi và đập chày (giã gạo) trót tám tháng dư.

23- Một ngày kia, Tổ chợt thấy Huệ Năng này bèn nói: Ta nghĩ chỗ thấy của người khá dùng song ta e có kẻ dữ hại người nên chẳng cùng người nói chuyện, người có biết chăng?

24- Huệ Năng này thưa: Đệ Tử cũng biết ý Thầy nên không dám ra đến trước thềm, khiến cho người chẳng rõ đặng.

25- Lại một ngày kia Tổ đòi cả Môn nhơn nhóm lại bảo: Ta vì bọn người mà nói người đời “sống thác” là việc lớn mà bọn người trọn ngày chỉ cầu ruộng phước, chớ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử.

Vậy thời tánh mình còn mê, phước nào cứu được? Bọn người đều đi ra tự xét Trí Huệ mình, dùng cái bôn Tâm mình trong tánh Bát Nhã đều làm ra một Bài Kệ đem trình Ta xem, ví bằng ngộ được đại ý thì Ta phó giao Y Pháp làm Tổ đời đệ lục. Hãy hồi há mau đi, chớ khá chậm trễ, nếu để xét nghĩ ắt không trúng dụng!

26- Những người thấy Tánh mình, dưới lời nói sẽ thấy liền. Bằng được như vậy múa đao lên ngựa (là sự gấp rút) cũng đặng thấy đó.

27- Chúng đồ được lời Thầy phân, lui ra chuyển nhau rằng: Bọn ta chớ tua gan lòng dùng ý, làm kệ đem trình Hoà Thượng có ích chi đâu. “Thần Tú là bậc Thượng Toạ”, hiện đương làm thầy giáo thọ thì kia ắt đặng. Bọn ta dầu có chạ làm những bài kệ tụng thì cũng uổng một tâm lực mà thôi.

28- Các chúng nhơn nghe nói ấy thầy đều yên lòng, đều nói bọn ta sau này “nuơng dựa theo Tú Sư”, phiền chi phải làm kệ.

Giải: Cùng chung một Giống, cha con gặp nhau, qua lại vài câu trao đổi, đã thông cảm và rất tương đắc. (Lường căn, chẩn mạch)

Là người Đại căn bao giờ cũng vẫn có hoài bão duy nhất là làm Phật, về Nguyên.

Kìa xem loài “Thực vật” (cây cỏ, bất động) luôn luôn hướng về Cha là vàng Thái Dương để sanh nở đúng Thiên Nhiên.

“Con người” bị thị dục sở vọng sử linh sai khiến mà xa Thiên lia Tự Tánh, không hướng thượng xem trăng, cứ ngó xuống để tìm loè loẹt (phóng ngoại).

Đã đến Chùa còn bảo làm việc gì khác là rất kẹt, không Chánh Đàng.

Vài câu đối đáp tỏ ra xứng Thầy, phải trò rồi (Cho keo), còn chờ đợi gì nữa, ắt đặng truyền trao, giao gia tài cho Trưởng Tử.

Người tu Phật phải “Hỗn tục hoà quang nhơn bất thức” phải kín đáo cẩn ngôn, lẫn lộn trong sanh chúng (Đồ chúng) trong Chuồng ngựa (Mã tào), ẩn núp đằng sau, đừng nên chường mặt ra phía trước, làm cái việc của người tu (Hành Giả) sơ cơ (mới vào chùa), bửa củi, giã gạo, chuẩn bị đủ vật liệu: chảo sắt, củi, nước, lửa, lò đất (ngũ hành), lập nền tảng vững chắc cho lẽ sống (Đạo).

Thiên Đạo, vạn Đạo dĩ “Gạo” độ nhưt kia mà (cười). Tội nghiệp cho chúng tăng ni tróc da tay, loả mồ hôi trán làm công quả cho chùa mãi đòi chẳng đặng nếm một hạt “Com Phật” chỉ vì tánh còn mê, chuyên cầu ruộng phước, chẳng trau Đạo, vậy mà vẫn tin tưởng, trong mong ngày kia Di Đà thọ ký. Đáng thương thay!

Bao nhiêu người trí có, ngu có, qua bao nhiêu năm gần gũi Ngũ Tổ chẳng đặng thọ truyền, nay Huệ Năng mới đến là nầy ra cái việc làm kệ để chọn người thừa hưởng di sản vô giá truyền kiếp ấy.

Việc đó biểu lộ sự vui mừng, đặc ý và thể hiện hoài bão bấy lâu của “Đường Nghiêu gặp Ngu Thuấn”.

Chưa gặp được người xứng đáng thì giang san, ngôi báu, ấn kiếm chẳng trao ra, nay còn tiếc chi với Con Trời, Phật tử?

“Đồ chúng” là bậc thấp kém, tự mình không có định kiến gì hết chỉ y lại tụy nương kẻ khác giúp mình mà thôi, chịu ảnh hưởng của điều kiện khách quan: “tối” đến là tối theo, “sáng” tới là hoà mình với sáng, gặp may là vui, gặp rủi là buồn,

buông trôi theo thương ghét...Đó là chúng sanh tánh (Bá Tánh) chẳng phải “Bản Tánh, Tự Tánh”.

Hề là đồ chúng thì không tự chủ, nhưt định phải tuyền độ trạch giữa hai “Đối Tánh”: không ác thì thiện, chẳng vui thì buồn...Đó là cái biến thiên vô thường của “Tâm viên, Ý mã”.

29- Còn Thầy Thần Tú nghĩ rằng: Các người kia chẳng trình kệ là nghĩ vì ta cùng kia làm Thầy giáo thọ, vậy là hạp, phải làm kệ đem trình Hoà Thượng, ví bằng không trình kệ thì Hoà Thượng do nơi đâu mà có được lòng ta chỗ thấy rõ cạn sâu.

30- Ta trình kệ này cầu “thấy Pháp” thời thiện, tìm làm “Tổ” thời ác. Bằng mong làm Tổ thời có khác nào lòng phạm mà muốn đạt Ngôi Thánh? Bằng chẳng trình kệ, trọn chẳng đặng pháp. Thật là khó lắm! Khó lắm!

31- Phía trước mặt chùa của Ngũ Tổ có nhà cầu “ba gian”. Ngài tính rước quan cung phụng là “Lư Trân” vẽ tượng “Lăng già biến tướng” và “Ngũ Tổ Huyết Mạch đồ” để lưu truyền cúng dường.

32- Thần Tú làm kệ xong rồi đã mấy phen muốn đem trình; đi vừa đến trước thềm thì trong “lòng hoảng hốt”, mồ hôi ra khắp mình, nghĩ trình kệ chẳng đặng. Trước sau trải qua bốn ngày, “13 phen” như vậy mà chẳng trình kệ được. Thần Tú bèn lo nghĩ: chi bằng tới dưới nhà cầu kia chép rõ, ngỏ Hoà Thượng xem thấy. Thoạt như Tổ khen hay, tức thời ra lễ bái mà rằng kệ ấy thật của Tú làm, bằng như người nói chẳng kham thì uống cho ta tới chùa mấy năm thọ người lễ bái, lại còn tu Đạo gì nữa?

33- Trong đêm ấy lối canh ba, chẳng cho người biết, một mình cầm đèn chép kệ trên vách Nam lang, bày chỗ thấy của lòng mình.

Thân thị “Bồ Đề thọ”
 Tâm như “Minh cảnh đài”
 Thời thời cần phát thức
 Vật sử nhá trần ai

Nôm

Thân thiệt Bồ Đề thọ
 Lòng như Minh cảnh đài
 Hằng hằng lau phỉ sạch
 Chớ để vương trần ai.

Thần Tú Chép Kệ

34- Tú chép kệ rồi bèn lui về phòng, người đều chẳng biết. Tú lại lo nghĩ nếu Ngũ Tổ rạng ngày thấy kệ mà hoan hỷ thì ta cùng pháp có duyên, bằng gọi chẳng kham thì thiệt ta còn mê, nghiệp trước chướng trọng chẳng hạp đặng pháp, ý thánh khó lường. Trong phòng tư tưởng, năm ngời chẳng yên suốt năm canh.

35- Tổ sớm rõ Thần Tú chưa kham vào cửa Đạo đặng nên chẳng thấy tánh mình.

36- Sáng ngày Tổ dời “Lư cung phụng” đến Nam Lang hoa vẽ bức đồ tướng trên vách, xảy thấy bài kệ thì Ngài tỏ lời cùng

cung phụng “Vây thôi, không dùng họa nữa, thiệt là nhọc lòng nhà ngươi từ phương xa đến”.

37- Trong kinh Kim Cang có câu: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nghĩa là phàm chỗ có sắc tướng đều là giả dối cả. Chỉ để kệ này cho người trì tụng, y theo lời kệ này tu khỏi sa vào đường ác đạo, y theo lời kệ này tu có điều lợi ích lớn. Bèn khiến môn nhơn đốt hương lễ kính đều tụng kệ này ngộ đặng thấy tánh. Kể môn nhơn tụng kệ này đều khen hay.

38- Canh ba Tổ gọi Tú vào hỏi: “Kệ ấy” phải ngươi làm chăng?

39- Tú thưa: Hẳn thật của Tú làm. Ý đệ tử đâu dám trông mong Tổ vị. Mong ơn Hoà Thượng từ bi xem đệ tử có chút ít trí huệ gì không.

40- Tổ rằng: Ngươi làm kệ này “chưa thấy được Bản Tánh” chỉ đến “ngoài cửa”, chưa được vào trong. Kiến giải như vậy mà tìm tới bực “Vô Thượng Bồ Đề” trót chẳng khá đặng.

41- Bực Vô Thượng Bồ Đề tu được “dưới một lời nói” mà biết được Bản Tâm” mình, thấy được “Bản Tánh” mình, chẳng sanh, chẳng diệt, thấy cả thì giờ nào cũng đều niệm niệm mà “thấy lấy mình”, trong muôn phép không trở trệ, “một Chơn Lý, thấy cả đều Chơn Lý”, muôn cảnh tướng đều tự như như. “Lòng Như Như” mới thật chơn thiệt. Chỗ thấy như thế mới thiệt là “Tự Tánh” của bực Vô Thượng Bồ Đề vậy.

42- Người khá lui ra, suy nghĩ trong một đôi ngày; làm một bài kệ khác đem lại ta xem, nếu lời kệ của người vào cửa được thì ta sẽ phó Y Pháp.

43- Thần Tú lễ tổ rồi bước ra, trải qua mấy ngày làm kệ chẳng thành, trong lòng hoảng hốt, Thần Tú chẳng yên đường như trong giấc mộng, đi ngồi không vui.

44- Qua hai ngày sau có một tên đồng tử đi ngang qua chỗ Đồi phòng (phòng giả gạo) xướng tụng kệ ấy. “Huệ Năng” này xảy nghe được bèn biết trong kệ ấy chưa thấy được Bản Tánh. Tuy chưa mong ơn chỉ dạy nhưng sớm biết đại ý bèn hỏi Đồng Tử rằng: Tụng kệ chi đó vậy?

45- Đồng tử đáp: Người vẫn là người lạ lão chẳng biết chi. Đại Sư có nói: “Người đời sanh tử là việc lớn”, muốn được truyền phó y pháp nên Ngài dạy trong môn nhơn làm kệ trình xem. Bằng mà ngộ được đại ý thì Ngài liền phó Y Pháp nói làm “Tổ đệ Lục”.

46- Thần Tú là bậc Thượng Toạ có chép bài kệ “Vô tướng” trên vách Nam bang. Đại sư dạy người người đều tụng. Y theo lời kệ này tu khỏi sa vào ác đạo, y theo lời kệ này tu có điều lợi ích lớn.

47- Huệ Năng này mới nói rằng: Thượng nhơn, ta đây đập chày trót 8 tháng dư chưa từng đi đến trước thềm, xin thượng nhơn dẫn ta đến trước bài kệ “mà lễ bái”.

48- Đồng tử bèn dẫn đến trước bài kệ “mà lễ bái”.

49- Huệ Năng nói: Huệ Năng này không hề biết chữ vậy xin “Thượng nhơn” vì tôi mà đọc dùm.

50- “Khi đó” có quan “Biệt giá” giang châu họ Trương tên “Nhứt dụng” bèn cất tiếng đọc lớn. Huệ Năng này nghe vừa rồi bèn nói: “Tôi cũng có một bài kệ xin quan Biệt giá vì tôi mà biên ra đây”.

51- Quan Biệt giá hỏi: Người cũng biết làm kệ nữa sao? “Thiệt là việc ít có”.

52- Huệ Năng liền bước tới trước quan Biệt giá thưa rằng: Muốn học tới Vô Thượng Bồ Đề chớ khá khinh người sơ học. Người ở bậc hạ hạ mà “có trí bậc thượng thượng”, còn người ở bậc thượng thượng cũng có người không có trí chi.

53- Quan Biệt giá nói: Người hãy đọc kệ đi, Ta sẽ vì người mà chép. Bằng người “đắc Pháp” rồi trước phải độ ta với, chớ nên quên lời nói này.

54- Huệ Năng đọc kệ rằng:

Hán	Nôm
Bồ Đề, “Bản Vô thọ”	Bồ Đề gốc không thọ
Minh Cảnh, diệt “phi đài”	Minh Cảnh có chi đài
Bản lai “vô nhứt vật”	Xưa nay không một vật
Hà xứ! Nhá trần ai	Nào chỗ vương trần ai

55- Kệ biên rồi Đồ chúng thấy đều thất kinh, ai cũng khen ngợi đều bảo nhau rằng: Lạ thay! Chẳng nên lấy dạng bề ngoài

mà dùng người, đầu đặng bậy nay sai khiến vị Bồ Tát xác phàm ấy.

56- Ngũ Tổ thấy chúng nhơn lấy làm kinh lạ, e người mưu hại bèn lấy chiếc giày chà hết bài kệ và rằng: Bài kệ này cũng “chưa Thấy Tánh”. Chúng nhơn đều lấy làm “Phải”.

57- Qua ngày sau Tổ đến chỗ Đồi phòng thấy Huệ Năng này đang giã gạo cối đá, bèn bảo rằng: Người cầu Đạo há phải như vậy sao? Bèn hỏi: “Gạo vậy trắng chưa?”

58- Huệ Năng này thưa: “Gạo đã trắng lâu nhưng còn “thiếu cái vôi””.

59- Tổ lấy gậy rờ nơi cối “Ba” lần rồi bỏ đi.

Giải: Đoạn này trước kia đã giải bày. Đây thêm vậy vì sùng gạc cho đủ “Hình Ròng”.

Nhiều Bảo vật giấu kín trong câu chuyện tầm thường, ngôn ngữ giải dị dường như xem qua hiểu đặng ngay, song chẳng dễ vậy đâu!

Người ta không thể thấy bầu Trời mênh mông, vũ trụ vô cực bằng cách nhìn xuyên qua một lỗ hổng nhỏ hẹp. Thế mà chúng ta lại dụng ý muốn tri giác “toàn thể” với một kẻ nê bé tí của tâm trí chúng ta, hèn chi kiến thức chúng ta thiên cận (hẹp hòi) không trọn là đúng lắm. – Hãy phân tách cho minh bạch, mở xẻ đàng hoàng, nghiên cứu rành mạch, tiêu hoá kỹ càng, con người chẳng xót mảy lông, để khỏi “lối ao vàng mò gạch”. Nghĩ ra thật khó khăn với sức quan trắc của chúng ta vì thiếu

“dụng cụ tinh vi” của nhà Bác học tạo phi thuyền hoá tiễn. Muốn quan sát sự hoạt động của phi cơ trên nền trời đêm tối, ít ra cũng phải có “viễn kính” và “đèn rọi” 800 triệu bạch lạp.

Chúng ta cố gắng với Tâm Đặng của chúng ta đến đâu hay đến đó.

Thần Tú là kẻ đến trước

- Có Hai Người làm kệ:

Huệ Năng người đến sau

- “Kẻ đến trước” không đáng xách giày cho “người đến sau” như Jean Baptiste đã nói”. – Thật là tí mĩ, có thứ lớp đàng hoàng. Với con người, bao giờ Tình Cảm cũng ra trước Lý Trí theo luật tiến hoá.

Còn thơ ấu sống theo “Cảm giác”.

Trưởng thành khôn lớn “Trí huệ” mới khai sinh.

Phải chăng “Ngũ Tổ, Thần Tú, Huệ Năng” là những nhân vật xa xưa bên trung nguyên, đã biến mất theo thời gian, chỉ được ghi chép lại làm kỷ niệm chó “không còn nữa”? Nếu quả thật thế thì chúng ta không cần mệt trí để tìm hiểu, mở bét cho rách mí mắt làm gì, chẳng quan hệ chi với chúng ta cả.

“Trời còn,, sông biển đều còn” thì “Bộ Ba” ấy vẫn luôn luôn Hiện Hữu, Thực tại trong Trung Quốc của Ta. Dân Tàu tự xưng là Trời con (Céleste). Ta cũng vậy, chẳng khác kia mà!

Đồng chung một nước, cùng chung một Chùa:

“Một Tổ Hai trò”, Một Vua Hai thừa tướng.

Một Thái Cực Hai Lương Nghi, Một vóc Hai phương diện.
Với mắt thịt xem thấy làm Hai, làm nhiều. Dùng được Độc
Nhân của Tề Thiên, Huệ Quang (Pháp Nhân) thấy tất cả là
Một.

Chịu luật tương đối của Càn Khôn tất cả đều có hai bản chất:
Hữu-Vô, Mê-Giác, Tướng-Tính .v.v...

Hai bài kệ đồng “Một Thể” song có “Hai Dụng”;

Chấp tướng thì Mê, Giác ngộ theo về Gốc Tánh.

“Tâm Hồn” có “Giác” có “Mê”
Giác theo đường Chánh, Mê về nẻo Cong.

Kệ của Thần Tú “Hữu tướng” – Kệ của Huệ Năng “Vô Vi”.

Luận Vô Hữu cao sâu huyền bí,
Tìm Hữu Vô yếu lý thậm thâm
“Chủ Nhơn Ông”, thử kiếm tầm (Tổ)
Cho thông chỗ Hữu (Tú) khỏi làm chỗ Vô (Năng).
Được Chơn Lý viễn đồ soi sáng,
Ngọn “Tâm Đẳng” chói rạng Bản nguyên.
Thiên Đỉnh có Phật- Thánh- Tiên (Bộ Ba, Tam giáo)
Đều do hạt giống “nhơn duyên cõi trần”

Thần Tú, Huệ Năng là hai vị Thánh Tăng, một khối “Tối
Sáng” bất phân, đã giải. Không nên chia Hai mà khó rõ Lý của
Đất Trời và Tình của vạn vật theo lời Trang Tử.

1-“Kệ của Thần Tú” xuất sinh từ nơi một “Tâm Thần loạn
động”, lo lắng bồn chồn, hoảng hốt sợ sệt, suy nghĩ vẩn vơ
quanh quẩn thuộc “Tư tưởng của Giả Trí”, do tự tay của người
chấp tướng viết ra (Hữu tướng), hướng theo (Đường đi), trái lời
dẫn của Tổ.

2-“Kệ của Huệ Năng” thuộc “Suy luận thâm huyền tự tại” do
Trí Huệ Chơn Thật của Tánh Liễu Tri, vô tướng vô hình, vô
hình vô tự, nói mượn kẻ đọc, người viết, mượn quyền bày lý,
hạp “Lối Về”, đúng Pháp Ý (vô tướng).

Nghe kệ nhờ người đọc, làm kệ nhờ người viết. Nghe tức
khắc hiểu liền, tức khắc làm liền, không lệ thuộc thời gian, lấy
ngày giờ làm yếu tố như Thần Tú (Pháp tướng) phải nhiều
ngày suy nghĩ làm kệ, nhiều ngày lăm le trình kệ mà “không
nên” theo sự diễn tả hết sức kỹ lưỡng của Pháp Hải.

Kệ của Huệ Năng là “Hiển Chơn” đã phá Hư Vọng (kệ Thần
Tú) để khai mê hoàn giác. “Mê thuộc Tà – Giác hiệp Chánh”.

“Giác” cũng chỉ là một “cực đoan” của Bản thể, một trò của
Tổ, chớ chưa phải là “Tự Tánh”, chưa nên Tổ.

Tự Tánh là Trung tâm trụ cột của Giác Mê, không sanh
không diệt, không sáng không tối.

“Không nên chấp mê cũng đừng chấp giác.

Hết giác rồi mê, hết mê rồi giác, chưa phải là Bản Giác, vì thế Tô buộc lòng xoá luôn kệ của Huệ Năng để bảo vệ “Chơn Giác” khỏi bị có ngày Vô Minh xuất hiện làm hại (kể dữ mưu hại).

Kệ làm trước chùa, nơi nhà cầu ba gian (3) chẳng thuộc trong “Nhà Tô” (I). – Ngoài là Khách, trong là Chủ. – Thần Tú không kham vào chùa được, cố gắng cho mấy cũng hoài công. “Huệ Năng” hiệp giác nên được rước vào, chớ cả hai đều thuộc Khách, ở tại nhà cầu (phụ thuộc) như nhau.

(Nương Giác “về nhà”, chấp Mê ra Chợ).

Đem Bái Tâm (Lư Trân) phụng thờ (cung phụng) đều biến thiên vô thường (Lãng già biến tướng) và tượng hình “máy sinh hoạt của Bản Thể” (Ngũ Tổ huyết mạch đồ) giúp thêm ý tướng, ủng công người tầm tu từ phương xa đến, được Ngũ Tổ dẹp bỏ, không thực hiện (hoạ vẽ) khi thấy kệ của Thần Tú (Pháp tướng sinh), vì câu kinh Kim Cang: “Phàm hữu sở tướng” giai thị Hư Vọng”. Ông chỉ chấp nhận sự ấy có lợi ích để “trau thân” khỏi sa vào ác đạo hầu tiến đến “trau Đạo”.

Đó là phương tiện để đến “Cứu Cảnh Giác”. Nó hạp với trình độ của “môn nhơn hạ cấp”, họ hoan nghinh và khen hay.

“Thối thường Sinh Chúng chỉ chọn lựa một phương pháp thích hợp đường lối mơ hồ, chậm chạp của chúng, chúng sẵn có trình độ thấp kém, tính trì độn, nhón nhác, nên lý thuyết nào có vẻ khắt lằn, hẹn dần lại và lý thuyết được đa số yêu nhưt”.

Kiến giải của Huệ Năng (Pháp tính) tỏ con đường từ giác trở về “Bổn Tánh”. – Phải trực tiếp tri cảm (trực giác) mau lẹ, dưới một lời nói mà biết được “Bổn Tâm”, thấy được “Bổn Tánh” mình, chẳng sanh chẳng diệt, cũng ứng dụng theo tánh thể Chơn như không hề gián đoạn trở trệ, hay cả trong thời giờ nào luôn luôn liên lạc với “Nguồn Giác” mới là bậc Vô Thượng Bồ Đề, khó vói tới, quá sức của Đồ chúng.

Huệ Năng có được trí Vô sư nên tuy chưa mong ơn chỉ dạy nhưng tự mình đã tỏ ngộ, vừa nghe Đồng tử tụng kệ thì đã rõ Giả Chơn, Hư Thiệt.

Trẻ con khờ dại, chấp tướng khinh người, không phân biệt nổi vàng thau nên với câu: “Ngươi vẫn người lạ lão Chẳng biết chi”. Đã diễn tả quá sức rõ rệt. – Trái lại người trưởng thành hay hạ mình tôn người, với đồng tử ranh con cũng gọi là Thượng nhơn, tự nhận ngu muội, ở nhà sau không hay biết, để tâm cầu dẫn đến bài kệ để lễ bái.

Nếu nói: (Mày hãy đưa ta đến trước, tao sẽ làm kệ nên Tô đệ lục cho mày coi), thì đồng tánh cầu cao con trẻ.

Tuy đó là sự thật nhưng sự thật có lúc chẳng khá nói thẳng. Vì đức khiêm tốn nào phải dối lòng vọng ngữ!

Ý Thánh như vũ trụ bao la, mệnh mông bề cả, nói sao cho cùng.

Cố gắng thường thức đại cương của “Tiên nhạc” là đủ. Có thể nào đủ lời nói để diễn tả hương vị thâm thúy từ tiếng tơ đồng cho nổi dù là tri âm tri kỷ.

48- Đồng tử bèn dẫn đến trước bài kệ “mà lễ bái”.

49- Huệ Năng nói rằng: Huệ Năng này không hề biết chữ, vậy xin Thượng nhơn vì tôi đọcùm.

50- Khi đó quan Biệt giá tên Nhựt Dụng cất tiếng đọc lớn...

Giải: Chú ý kỹ lưỡng!

Huệ Năng có lễ bái trước kệ Thần Tú chăng? --- (Không)! Nếu tôn thờ kệ ấy thì hướng theo đường lối trái ngược của Tự Tánh mình.

“Pháp tướng sinh” thì “Pháp tính” bị đè bẹp, vong bát tự mình đã có sẵn một Định kiến làm hướng đạo nào phải như đồ chúng lựa chọn cái bên này hoặc bên kia của Đối Tánh, nên nói: tôi cũng có Một Bài Kệ....-Huệ Năng “Không” biết đọc, nhờ đọcùm. – Ai Đọc? - Nói với Đồng tử mà quan Biệt giá từ đâu bắt thần xuất hiện đọcùm lớn tiếng (tỏ rõ)?

“Bí mật thiệt”-

“Đồng tử là ai? Quan Biệt giá là ai? Ở đâu?

Đồng tử tụng đọc bái quỳ kệ Thần Tú, chê Huệ Năng ngu không nghe biết gì. (Tối đến, sáng lui)

Khi Huệ Năng chường mặt ra trước thì lại câm, dốt để cho Quan Biệt giá thay thế đọc và viết kệ (sáng về, tối rút).

Còn nhỏ trẻ con là Tình Cảm (Đồng tử)

Trưởng Thành khôn lớn, có địa vị (Quan) có giá trị đặc biệt (Biệt Giá). Ứng dụng hằng ngày (Nhựt Dụng) là Lý Trí.

1/ Mê: Tình Cảm có Tốt, xấu. Tánh:

2/ Giác: Lý Trí có đặc giá Lợi, Hại to tát.

Muội trí hại to (Tham Quan)

Huệ trí lợi lớn (Liêm Quan)

“Hai” ấy vẫn là “Một”, ở cõi lòng ta, hiển lộ để ứng dụng hằng ngày bất thần nhậm lạ. Chát chua trái nhỏ, già ngon, ngọt chua, ngọt (trái)

1- Trẻ con làm theo trẻ con, chơi chòi, đánh đáo, bắt bướm, hái hoa, lừa trâu, giỡn khi.

Người lớn đọc sách, làm quan, thâu Rồng, cỡi Cọp.

Muôn học tới Vô Thượng Bồ Đề chớ khá khinh người sơ cơ.

Ta giác ngộ, tâm thanh tịnh, tinh mịch tức thời khi ấy cái “Quan Năng nhuệ mẫn” hiển lộ làm giềng mối cho bước đường của ta. Nó là con cung, là Trò lớn đưa đường ta đến Tây Phương, là Quan Biệt Giá (Trí) giúp cho ta Nghe, cho ta Làm đúng lối thì cùng chung một Đường, trong một Chùa (Bản thân- đồng đạo) cần chi phải xin ta độ, dẫn ta chớ quên lời.

Thầy Pháp Hải kỹ lưỡng quá, hay tuyệt vời mà cũng bí mật uẩn quá.

55- Kệ biên rồi đồ chúng đều thất kinh . . . (ngoài sức tưởng tượng “không dè” của họ mà không hoảng kinh sao đặng?

Bấy lâu lấy “dạng bên ngoài”, chạy theo hư ảo, lấn áp Tinh Thần, tiếm vị chủ nhơn, sai khiến Bồ tát, nay kinh khiếp hoảng sợ, khi thấy được sự thật. (Chơn Lý) – Sống với ngoại cảnh, với sắc thính chịu nhơn dục, tôn thờ Phạm Tánh là giúp Thừa tướng soán Ngôi Vua đồ chúng sai khiến Bồ tát, lầm nhận xác thịt là ta, Thức Thần ấy Chơn Ngã là thí Quân, sát Phụ, phạm tử tội, tự sát lấy mình vì trái đạo lý, nghịch Thiên, phản Chúa (giả vong).

Kẻ không Tự chủ mất cả quyền hành, chơi vui lạc lõng, bênh bông trôi dạt, không bên không bờ mặc cho nước cuốn gió đưa, đến đâu hay đó... - Đó là cái Vía đại, chẳng phải Hồn Khôn là Bát Giải trong Tây Du, phần Âm của Tâm nội, cái thụ động, theo màu thuốc nhuộm, theo lằn sóng đưa.

“Tam Tạng không nghe lời Hành Giả bị yêu bắt. Hành Giả tức mình nói với Hai Sư đệ: thôi chúng ta chia đồ ra, ai về nhà nấy.

Bác Giải mau mắn chấp nhận: Phải, phải!

Sa Tăng can rằng: Chúng ta nữ nào bỏ Thầy, quên ơn cứu nạn. Hãy cùng nhau nỗ lực trừ yêu giải thoát Sư Phụ . . .

Bác Giải lệ làng: Cũng đặng, cũng đặng!

Diễn tả quá rõ ràng “Vô Thường Tánh” của Đồ chúng. Thấy Tổ cho kệ Thần Tú nên dùng thì lễ bái, thấy kệ Huệ Năng thì

hết hồn, nghe Tổ cho là đúng, không rõ ẩn ý cũng phụ họa theo. Không nên cho rằng việc ấy là “Phải” vì nhiều người công nhận là phải hoặc thấy nó trong các loại kinh sách mà ta gọi là Sách Thánh hoặc do miệng mà người đời gọi là Đức Thầy, là Hoạt Tiên, Phật Sống.

Ta hãy cho nó là “Phải theo Bản Tánh” của ta. – Bản Tánh mới là Chơn Sư, mới xuất sinh Chánh tri kiến, chánh tư duy. Thế theo phạm tánh làm sao biết được điều Chơn, Lý thật.

“Cái gì của Trực Giác tìm ra là Nền cả”.

Thế thì bạn Đắc Tánh chưa? Nếu chưa, hãy cố gắng tìm “Chơn Phật”. Tất cả sự vật đều có hai bản chất: Tướng phần, Tính phần.

Một bài diễn văn, một kịch bản, một vở tuồng cũng vậy, có hình thể và linh hồn của nó.

Người đời sống với tình cảm, với lòng mê theo điều sắc tướng đã quen thuộc từ “vô thi đến giờ” bảo sao không quan niệm và thật hành theo “tâm tướng” và bỏ rơi tâm tính. (tuồng mọi việc, quên Thượng Đế)

Trước kia đã nói chẳng riêng gì người ngu mà kẻ trí thức uyên bác thông thạo cũng kiến chấp, vọng chấp, vô minh mê muội như ai.

“Thế gian là một nhà thương điên mệnh mông”. Lời của một Đại Triết gia đã nói. – Đúng vậy! Hầu hết thế nhơn đều loạn tâm, loạn óc, hành loạn, đảo điên điên loạn cuồng, “sống

động”, mặc dù họ khôn tuyệt vời, tạo được Vệ tinh, Hoả tiên. Đã khùng điên thì phải nhờ Docteur – Soul, “Trí Dược Tam Tạng” chữa.

57- Tổ đến chỗ đối phòng. Giữa tương đối xuất hiện Tuyệt Đối (Trung dung)

Thấy Huệ Năng đương giã gạo cối đá nói:

“Người cầu đạo há phải như vậy sao?”

Người hành đạo sơ cơ là hữu tác hữu vi, ra sức đổ mồ hôi, lột trần cái lớp vỏ ô trược, “đập đá lấy ngọc”, trong chỗ hỗn hợp vàng thau lẫn lộn (à l' état de minerai) phải rõ được bước tiến của hành vi chứ chỉ cam làm có cái việc “ở đối phòng” ấy vậy sao?

(Phải thoát ly tương đối, về tuyệt đối, nên Tổ hỏi).

Gạo vậy trắng chưa?

Gạo trắng đã lâu chỉ còn thiếu cái vắn!

(Ngọc lộn bùn đã Bạch hoá chưa?)

Rồi đã lâu, chỉ còn thiếu dụng cụ phân kim, lấy thanh bỏ trược.

Tốt lắm! Canh Ba vào liêu ta sẽ mật truyền.

Người mới hành đạo, được dạy cho làm chớ chưa rõ “bí quyết của Chơn pháp phân chất lấy Vàng Ròng, Ngọc trắng”. Rủi có vấp phạm sa ngã thì máy linh khỏi bị tiết lậu. Chừng công phu có kết quả, ý chí vững vàng mới được mật truyền Y Pháp.

Biết rằng mục đích duy nhất của đời Ta là “Trau Đạo”, tuy nhiên chớ quên bước tiến đăng sơn, vượt đèo qua suối đầy hiểm nguy nhọc khó trên đường thiên lý ấy đòi hỏi một sức đồng mãnh phi thường liên miên Cảnh giác để khỏi trượt chơn, sa hầm sụp hố.

Không thức tỉnh đợi chờ, chẳng đúng giờ đúng hẹn thì cửa không được mở, thế nào diện kiến Tổ Sư lãnh “Bảo Vật”. Chúa chỉ xuất hiện lúc nửa đêm canh Ba giờ Tý kia mà!

Ngủ quên, mê man giấc điệp, không cẩn thận “dành dầu”, hỏng việc “rước Chúa”, không có Tiên dược chữa bệnh điên cuồng, đành cam muôn kiếp lăn quẩn trong “Biên Hoà bệnh viện”. (Nhà thương điên)

61- Huệ năng này liền hội được Ý Tổ, nên khi trông trở canh Ba bèn vào Thất. Tổ lấy áo Cà Sa vẩy đập cho Huệ năng này, không cho người thấy, lại vì Huệ Năng nói kinh Kim Cang vừa tới câu: “Ứng vô Sở Trụ, Nhi sanh Kỳ Tâm” nghĩa là ung không chỗ trụ mà sanh Thừa Lòng.

62- Huệ Năng nghe qua câu đó liền ngộ cả thầy muôn Pháp chẳng lia nơi Tánh Minh, bèn bạch với Tổ rằng:

Sẵn Thanh Tịnh, chẳng Sanh Diệt.
Chẳng dè Tánh mình vốn: sẵn Đủ cả:
không Động lay, sanh Muôn Pháp.

63- Tổ biết Huệ Năng ngộ được Bản Tánh mới bảo rằng:
Nếu không biết đặng “Bổn Tâm” thì học pháp không ích,
“bằng biết đặng Bổn Tâm thấy được Bản Tánh mình” mới gọi
là bậc Đại Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư- Phật vậy.

64- Canh Ba thọ pháp, người đều chẳng hay, bèn truyền phép
Đốn giáo và Y bát mà rằng: “Người làm Tổ đời đệ Lục, phải
khéo niệm lấy mình, Rộng độ kẻ Hữu Tình, lưu khắp đời sau
chớ khiến cho đứt mắt.

65- Hãy nghe kệ ta đây:
Có Tình gieo Giống xuống,
Bồi Đất, trái bèn sanh.
Không tình cũng không giống
Không tánh cũng không sanh.

Nguyên văn:
Hữu Tình lai, Hạ chủng
Nhơn Địa, “Quả” hườn sanh
Vô Tình, diệt vô chủng
Vô Tánh, diệt vô sanh

Giải: Việc khẩu truyền, Tâm lãnh Thần Hội phải kín đáo. –
canh Ba là giữa đêm, “Cực Tịnh sanh Động”, âm dương giao
cảm, Nhứt dương sanh (Trò vào Tổ thất, giờ thuốc đến).

(Trò Tiêu Linh Quang- Tổ Đại Linh Quang)
Tổ mật truyền “Chơn Pháp”, cách đào luyện
“Chơn Chủng nên Bồ Đề Chơn Tánh (Tô).
Âm Dương hiệp nhứt để ra Trò
“Ánh Sáng Từ Tôn tợ Núi To”
Pháp đạo Trường sanh là thế đó
Hiểu chẳng Đệ Tử ránh mà lo!

“Thọ trì Kim Cang” là bòn mót từ hột “Cát Vàng” tẩn mác đó
đây trong Tiểu Thiên Địa đem về lò luyện nấu thành “Một
khối”. (Áo Cà sa, Đạo y, do vô số vải nhỏ ráp lại, Tổ dùng đắp
cho Trò và nói kinh Kim Cang).

Cái “Kim Cang Tâm” ấy bao trùm khắp cả, chỗ nào cũng có
nó, mà chỗ nào cũng không kiếm đặng nó. Biết rằng Có mà
kiếm thì Không. Khi phóng ra ứng dụng thì lầu lầu phân minh,
lúc thu cuộn lại thì nhập vào Vô tướng, vô niệm, vô trụ (Hư
vô).

“Cái ấy” gốc ở nơi “Cha gieo vào lòng Mẹ”. Muốn trở về
Cha, trước phải nương nơi Mẹ. – Mẹ là trung gian, là “Chơn
Pháp, Chơn Khí”, (Tây phương canh tân Kim: Tây Đồi
Vương Mẫu, Diêu Trì Kim Mẫu).

Nói quanh quẩn, lộn xộn rộn óc. Nói ra ngay, ở người Kim
thuộc Phế, bộ phận “Hô Hấp”. Người là nửa Tiên nửa tục, một
khối Phật-yêu, Âm Dương hỗn hợp, có Thật có Hư.

Nương Hư về Thật thành “Tiên - Phật”
Biến Thật ra Hư hoá “Qui - Yêu”.

“Luyện Hô Hấp phàm phu (Tồn phong) thành Hô Hấp Chơn Nhơn” (Chơn tức) thì đặc Chơn Pháp (Mẫu khí), được Vàng. – Vạn pháp (vật) đều do “Một Linh Khí” ngưng tụ mà sanh thành.

---oOo---

Nghe đặng điều ấy (Pháp), Huệ Năng tỏ ngộ và xướng kệ chứng minh sự thấy biết “Bốn Tâm Bốn Tánh” của mình (Tri) chỉ còn theo đó mà làm (hành) để thâm thập kết quả của sự gieo trồng sẵn sóc mà thôi.

Tất cả “Bí quyết” của sáng tạo, gầy dựng, được phó truyền, ẩn trong Bài kệ của Tổ: “Có Tình gieo Giống xuống,” . . .

Bày Giả để tìm Thật, một lần nữa tôi nhắc lại đừng chấp lời-Chấp tướng!

Có vị Thiền Sư đã giải: “đại ý Bài kệ này Ngũ Tổ dạy đức huệ năng về việc Truyền Pháp”. (Đã nói Truyền Pháp mà lại sa vào Truyền Giáo).

Hai câu trên bảo: Phàm những kẻ Hữu Tình nghĩa là Có Tánh- Giác Ngộ thì nên truyền Phật Pháp cho họ, vì họ sẵn có Tánh Giác Ngộ nghe pháp rồi ắt đặng chứng quả. (Nghe sông mà chứng đặng ư?)

Hai câu dưới lại dặn: còn những người Vô Tình không có giống Phật Tánh tức là chưa phát Tánh giác ngộ thì chớ nên truyền Phật Pháp, vì họ không có Tánh giác ngộ ắt không sanh quả Phật được.
(Giáo, Pháp rất khác xa). Kinh Huệ Nghiêm.